| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **175** /2023/HS-PT

Ngày: 30-5-2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tấn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trương Công Thi

*Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa*: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 137/TLPT-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo **Lee Kwan Y** và các bị cáo khác về tội: "*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*" và tội "*Làm Gả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu Gả của cơ quan, tổ chức*". Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2172/2023/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023,

*Bị cáo bị kháng nghị, có kháng cáo:*

1. **Lee Kwan Y**, sinh ngày 10/10/1968 tại Hàn Quốc; hộ chiếu: M22301662; chỗ ở : thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: phổ thông; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Hàn Quốc; con ông L Seok J và bà L Nan G; có vợ (Kang Ji Y) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2021 (có mặt).

2. **SEO YOUNG J**, sinh ngày 13/8/1973 tại Hàn Quốc; Hộ chiếu: M34545383; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: phổ thông; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Hàn Quốc; con ông S

Mun P và bà Lim Y S; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2021 (có mặt).

3. **Song Hong S**, sinh ngày 28/10/1972 tại Hàn Quốc; Hộ chiếu: M23380499; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: cử nhân đại học; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Hàn Quốc; con ông Song In C và bà Chui S I; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2021 (có mặt).

4. **Kim Chang G**, sinh ngày 13/02/1973 tại Hàn Quốc; Hộ chiếu: M31572491; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: cao đẳng; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Hàn Quốc; con ông Kim Sam S và bà Kim Kyeong N; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

5. **Kim In S**, sinh ngày 20/02/1973 tại Hàn Quốc; Hộ chiếu: M55883616; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: cử nhân đại học; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Hàn Quốc; con ông Kim Chun S và bà Jung Jea R; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

6. **Phan Thị Thảo L**, sinh ngày 28/7/1995 tại Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Nam; tạm trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị P; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2021 (có mặt).

7. **Phạm Thị P**, sinh ngày 14/4/1996 tại Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Nam; tạm trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm N và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2021 (có mặt).

8. **Phạm Kim P**, sinh ngày 03/3/1993 tại Quảng Nam; nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Kim T và bà Nguyễn Thị Thanh N, có vợ (Bùi Thị Mỹ D) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2022 (có mặt).

9. **Tô My Hồng O**, sinh ngày 04/3/1989 tại Đà Nẵng; nơi cư trú thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Tống Q và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2021 (có mặt).

10. **Văn Thị Phương T**, sinh ngày 22/9/1989 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng.; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Hữu T và bà Phan Thị H; có chồng (Trần Thanh S) và 03 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

11. **Văn Thị Thùy T**, sinh ngày 13/9/1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Viết D và bà Nguyễn Thị T H, có chồng (Kim Seong H, đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2021 (có mặt).

12. **Phạm Thị Tuyết N**, sinh ngày 20/3/1995 tại Quảng Nam; nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: làm Visa, du lịch; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Phạm Thị B, có chồng (Trần Thanh C); tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

13. **Võ Tấn C**, sinh ngày 30/5/1988 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn L và bà Thái Thị H, có vợ (Lê Thị Vân K) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2021 (có mặt).

14. **Nguyễn Trần Anh T**, sinh ngày 07/3/1987 tại B Thuận; nơi cư trú:, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T và bà Trần Thị D, có vợ (Trần Hoài T) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm Giam từ ngày 12/5/2021 (có mặt).

15. **Nguyễn Trung T**, sinh ngày 01/12/1983 tại Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thành phố Đà Nẵng; tạm trúthành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Nguyễn Thị N, có vợ (Huỳnh Thị Mỹ D) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

16. **Đỗ Văn H**, sinh ngày 15/10/1992 tại Quảng B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng B; tạm trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Hà Thị L, có vợ (Lê Thanh L) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

17. **Trần Thanh S**, sinh ngày 02/01/1989 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị L, có vợ (Văn Thị Phương T) và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2021 (có mặt).

18. **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 01/7/1950 tại Thái B; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N, có vợ (Trần Thị T) và 04 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

19. **Nguyễn Văn Minh T**, sinh ngày 12/02/1991 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc:

kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N, có vợ (Lê Thị H N) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2022 (có mặt).

20. **Nguyễn Trí V**, sinh ngày 28/02/1988 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: K655/01 đường TCV, phường XH, quận TK, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị L, có vợ (Trần Thị Kim C) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

21. **Lê Xuân T**, sinh ngày 25/6/1984 tại Quảng Nam; nơi cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T L và bà Vũ Thị Bích X, có vợ (Lê Thị H) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2021 (có mặt).

22. **Tô Quyền L**, sinh ngày 01/02/1994 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Tống Q và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

23. **Đồng Văn Q**, sinh ngày 05/9/1991 tại B Định; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: làm Visa, du lịch; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn M và bà Phạm Thị L, có vợ (Huỳnh Thị Kim N) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2022 (có mặt).

24. **Đồng Mạnh T**, sinh ngày 17/4/1996 tại B Định; nơi cư trú: quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: làm Visa, du lịch; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn M và bà Phạm Thị L; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lee Kwan Y và SEO YOUNG J:*

+ Ông Phạm Ngọc H và ông Nguyễn Viết H, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ thành phố Đà Nẵng (có mặt).

+ Ông Quốc C và ông Trần Văn Đ, Luật sư của Công ty Luật TNHH X, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Thảo L:* Ông Võ Đình Đ, Luật sư của Công ty Luật TNHH V, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị P:* Ông Võ Đình Đ và bà Ngô Thị Tùng L, Luật sư của Công ty Luật TNHH V, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Văn Thị Phương T:* Ông Huỳnh Hoài N, Luật sư của Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung T:* Ông Đặng Văn C, Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng Văn C, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Văn Thị Thùy T:* Ông Trương Văn B, Luật sư của Công ty Luật TNHH hai thành viên B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đồng Văn Q và Đồng Mạnh T:* Ông Từ Văn Q, Luật sư của Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trí V:* Ông Trần Tuấn L, Luật sư của Công ty Luật TNHH hai thành viên H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Kim Chang G:* Ông Mai Quốc V và ông Mai Duy P là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV M; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty TNHH H; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông SEO YOUNG J đại diện (có mặt).

2. Công ty TNHH MTV Dịch vụ và khách sạn H; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Thanh H đại diện (có mặt).

3. Công ty TNHH KV T; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Trung T đại diện (có mặt).

4. Công ty TNHH G; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Trần Anh T đại diện (có mặt).

5. Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ D; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Trần Anh T đại diện (có mặt).

6. Công ty TNHH thương mại và tổng hợp X; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Choi Seung W, quốc tịch: Hàn Quốc đại diện (vắng mặt).

7. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ M; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Gian Gwang E; quốc tịch: Hàn Quốc đại diện (vắng mặt).

8. Công ty TNHH Dịch vụ quảng cáo và truyền thông N; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Trí V đại diện (có mặt).

9. Công ty TNHH O; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Văn Thị Phương T đại diện (có mặt).

10. Công ty TNHH S cafe; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Son M, quốc tịch: Hàn Quốc đại diện ( vắng mặt).

11. Công ty TNHH P; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Vũ Thị Bích X đại diện (vắng mặt).

12. Công ty TNHH P; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Lê Xuân T đại diện (có mặt).

13. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ P; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Lê Xuân T đại diện (có mặt).

14. Công ty TNHH R; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Tô Quyền L đại diện (có mặt).

15. Công ty TNHH dịch vụ và du lịch T; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Văn Minh T đại diện (có mặt).

16. Công ty TNHH Thương mại I; trụ sở chính: T phố Hà Nội (vắng mặt).

17. Công ty TNHH B; trụ sở: T phố Hà Nội, do ông Kim Seok H đại diện (vắng mặt).

18. Công ty TNHH S; trụ sở: T phố Hà Nội, do ông Kim Hyung S đại diện (vắng mặt).

19. Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam; trụ sở: T phố Hà Nội, do ông Kim Han Y đại diện (vắng mặt).

20. Công ty TNHH dịch vụ quảng cáo S; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Trần Thanh S đại diện (có mặt).

21. Công ty TNHH Công nghệ tin học A; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Đỗ Văn H đại diện (có mặt).

22. Công ty TNHH MTV L; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Nguyễn Thị H T đại diện (vắng mặt).

23. Công ty TNHH G DN; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, bà Trần Thị H đại diện (vắng mặt).

24. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp I; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Kim In S đại diện (có mặt).

25. Công ty TNHH Dịch thuật M; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Văn Thị Thùy T đại diện (có mặt).

26. Công ty TNHH Dịch vụ du lịch O Việt Nam; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Văn Thị Thùy T đại diện (có mặt).

27. Công ty TNHH MTV P T; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Phạm Kim P đại diện (có mặt).

28. Công ty TNHH K; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Võ Tấn C đại diện (có mặt).

29. Công ty TNHH MTV T; trụ sở: thành phố Đà Nẵng, do ông Võ Tấn C đại diện (có mặt).

30. Công ty TNHH S; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do bà Tô My Hồng O đại diện (có mặt).

31. Công ty TNHH M; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông SEO YOUNG J đại diện (có mặt).

32. Bà Vũ Thị Bích X, sinh năm 1960; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

33. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

34. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1980; địa chỉ: quận L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

35. Bà Nguyễn Trương Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

36. Ông Nguyễn Đăng Duy T, sinh năm 1985; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

37. Bà Nguyễn Thị H T, sinh năm 1996; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

38. Bà Trần Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

39. Bà Phùng Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

40. Bà Phùng Thị Dạ H, sinh năm 1992; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

41. Bà Ngô Lê Minh P, sinh năm 1994; địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

42. Bà Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1988; địa chỉ: quận L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

43. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: tỉnh Quảng N (vắng mặt).

44. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

45. Bà Đặng Thị H N, sinh năm 1996; địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

46. Ông Chang S, sinh năm 1989; quốc tịch: Hàn Quốc; địa chỉ: T phố Hà Nội (vắng mặt).

47. Ông Kang J, sinh năm 1988; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M27636747; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

48. Ông Um Jung H, sinh năm 1993; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M02121024; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

49. Ông Chae Seok BY, sinh năm 1958; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M99867249; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

50. Bà Yu Mi H, sinh năm 1970; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M01596028; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

51. Ông Moo G, sinh năm 1988; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M29774795; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

52. Ông Ko Chung H, sinh năm 1998; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M20419005; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

53. Ông L Pil J, sinh năm 1970; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M82324620; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

54. Ông Jang Seong H, sinh năm 1974; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M98357580; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

55. Ông Kim Hong J, sinh năm 1978; quốc tịch: Hàn Quốc; số hộ chiếu: M20148217; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

56. Công ty TNHH M; trụ sở: quận S, thành phố Đà Nẵng, do ông Kim Tae H đại diện (vắng mặt).

57. Công ty TNHH T; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

58. Hãng hàng không J; địa chỉ chỉ nhánh tại Đà Nẵng: quận H, thành phố Đà Nẵng, do ông L J H đại diện (vắng mặt).

59. Ông Jang H S, sinh ngày 01/11/1968; quốc tịch: Hàn Quốc; địa chỉ nơi làm việc: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

***- Người làm chứng:***

1. Ông Phan Công T, sinh năm 1994; địa chỉ nơi làm việc: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1979; địa chỉquận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1987; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

***- Người phiên dịch:*** Bà Nguyễn Thanh H; Cộng tác viên phiên dịch tiếng Hàn Quốc của Trung tâm phục vụ đối ngoại Đà Nẵng (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 26/4/2021, Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra hành chính một số căn hộ thuộc T, đường T, quận N, thành phố Đà Nẵng. Qua kiểm tra phát hiện 14 công dân Quốc tịch Hàn Quốc lưu trú tại đây hoạt động không đúng mục đích nhập cảnh. Theo hồ sơ xin cấp thị thực thì 14 công dân Hàn Quốc này được các doanh nghiệp bảo lãnh vào làm việc theo diện chuyên gia, nhưng tất cả 14 công

dân này khai nhận, để nhập cảnh Việt Nam họ đã liên hệ và đóng một khoản tiền cho công ty môi Giới dịch vụ bảo lãnh có tên là "K", mục đích nhập cảnh là du lịch, khảo sát thị trường mở dịch vụ massage, nhà hàng …, 14 công dân Hàn Quốc này hoàn toàn không biết và cũng không có bất kỳ mối quan hệ gì với các doanh nghiệp đứng ra bảo lãnh.

Qua điều tra xác định được đường dây tổ chức nhập cảnh trái phép như sau:

Lee Kwan Y (gọi tắt là: L – Gám đốc Công ty TNHH E) và SEO YOUNG J (gọi tắt là: S – Gám đốc Công ty TNHH M) là các công dân Hàn Quốc có thời Gian dài lưu trú và kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Khoảng tháng 10/2020, L và S biết được Công ty TNHH M Đà Nẵng phối hợp cùng Văn phòng bán vé Hãng hàng không J tại Đà Nẵng tổ chức nhập cảnh cho các "chuyên gia" có Quốc tịch Hàn Quốc. Điều kiện cần để công dân Hàn Quốc tham gia chuyến nhập cảnh này là có doanh nghiệp tại Việt Nam bảo lãnh. Sau khi biết được thông tin trên, L sử dụng Công ty TNHH E để bảo lãnh cho L Kyuong C nhập cảnh Việt Nam với tư cách "nhà đầu tư", S sử dụng Công ty TNHH M để bảo lãnh cho 05 công dân Hàn Quốc khác nhập cảnh trái phép theo diện "nhà đầu tư". Các công dân này sau đó đã nhập cảnh trong chuyến bay ngày 13/11/2020 từ Incheon (Hàn Quốc) đến Đà Nẵng.

Qua chuyến nhập cảnh này, L và S biết rõ việc có thể lợi dụng chính sách nhập cảnh cho "chuyên gia" của Chính phủ Việt Nam để thu lợi bất chính đó là chỉ cần có công ty bảo lãnh trên hồ sơ xin cấp thị thực. Trong khoảng thời Gian này L nhận được nhiều cuộc gọi của khách hỏi về việc khi nào tổ chức được chuyến bay nhập cảnh từ Hàn Quốc đến Đà Nẵng. L trao đổi việc này với Han Dong Y là Tùy viên Cảnh sát Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Đà Nẵng. Khi trao đổi với Han Dong Y thì L cho biết: tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có thể tổ chức được chuyến bay nhập cảnh đặc biệt vì có sự tham gia của Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán và Hội người Hàn tại các thành phố này. Tại Đà Nẵng cũng có Hội người Hàn miền Trung (tên phiên âm trong tiếng Anh: H) nên cũng có thể mở được chuyến bay nhập cảnh. Tại thời điểm này, L đang là Phó Chủ tịch "Hội người Hàn miền Trung" nên có thể lợi dụng danh nghĩa "Hội người Hàn miền Trung" để đứng ra tổ chức việc nhập cảnh theo diện "chuyên gia".

Han Dong Y nói với L muốn tổ chức chuyến nhập cảnh thì phải xem số lượng người đi chuyến bay nhập cảnh Việt Nam từ Hàn Quốc, vì nếu ít người quá thì không thể tổ chức chuyến bay. Trước tiên phải biết được số lượng người, dự kiến khách sạn cách ly thì mới dự toán được chi phí trên đầu người đối với mỗi khách Hàn Quốc nhập cảnh Việt Nam. Để biết được số lượng thực tế và thông tin cá nhân của khách Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh, L và S tiến hành việc quảng cáo về "nhập cảnh chuyên gia" và khảo sát nhu cầu nhập cảnh trên mạng Internet thông qua mạng xã hội Kakao Talk và Naver. Trên cơ sở thông tin cá nhân của khách Hàn Quốc được thu thập thông qua khảo sát, khi số lượng người có nhu cầu nhập cảnh từ 50 người trở lên thì S lên danh sách và L liên hệ với các hãng hàng không để ký hợp đồng thuê máy bay với tư cách Phó Chủ tịch Hội người

Hàn miền Trung.

Danh sách nhập cảnh này L gửi cho Han Dong Y để Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Đà Nẵng gửi Công hàm đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét và cho phép đoàn công tác của những doanh nghiệp Hàn Quốc, thân nhân, du học sinh được nhập cảnh vào Việt Nam (kèm theo danh sách công dân Hàn Quốc) đến Văn phòng Chính phủ thông qua Vụ quan hệ Quốc tế. Sau đó L và S thông báo cho các doanh nghiệp môi Giới, doanh nghiệp bảo lãnh làm hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh.

Theo đề nghị của Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Đà Nẵng, Văn phòng Chính phủ chỉ thông báo về chủ trương cho phép các chuyên gia, nhà quản lý, thân nhân người nước ngoài đủ điều kiện nhập cảnh làm việc tại Việt Nam. Khi có công văn thông báo về chủ trương nhập cảnh, Han Dong Y gửi cho L. Mặc dù biết rõ, Chính phủ Việt Nam chỉ đồng ý việc nhập cảnh đối với các cá nhân đủ điều kiện nhập cảnh, nhưng L và S vẫn thực hiện hướng dẫn khai báo Gian dối, tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ các doanh nghiệp đối với những người không phải là chuyên gia, không làm việc tại các doanh nghiệp bảo lãnh, trong hồ sơ xin cấp thị thực của các cá nhân này cũng không có bất cứ Gấy tờ gì chứng minh họ là "chuyên gia" theo quy định pháp luật.

T qua nhóm chat trên Kakao Talk và trang Naver của Hội người Hàn miền Trung, L và S thông báo cho các doanh nghiệp biết về việc có công văn chấp thuận chủ trương nhập cảnh của Văn phòng Chính phủ và thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh từ các doanh nghiệp môi Giới và doanh nghiệp bảo lãnh. Trong việc tổ chức nhập cảnh "chuyên gia", L và S Gữ vai trò phụ trách chung toàn bộ chuyến nhập cảnh; các doanh nghiệp môi Giới đóng vai trò trung Gian, có trách nhiệm tìm khách Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh, tìm doanh nghiệp để ký bảo lãnh cho khách; các doanh nghiệp bảo lãnh trực tiếp ký, đóng dấu công ty để bảo lãnh khách Hàn Quốc theo đề nghị từ các doanh nghiệp môi Giới. Khách không thuộc diện được phép nhập cảnh, không có công ty bảo lãnh thì có thể liên hệ với các doanh nghiệp môi Giới và đóng một khoản tiền hoa hồng để có được hồ sơ xin cấp thị thực (khoản tiền này không bao gồm trong khoản tiền đóng cho Hội người Hàn miền Trung). Doanh nghiệp môi Giới sẽ trích một phần tiền trong tiền hoa hồng để thanh toán cho doanh nghiệp bảo lãnh, số tiền hoa hồng còn lại thì doanh nghiệp môi Giới thu lợi. Bản thân L và S biết rõ việc làm bất hợp pháp của các doanh nghiệp môi Giới, doanh nghiệp bảo lãnh nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi, L và S vẫn tiếp nhận hồ sơ từ các doanh nghiệp này.

Để phục vụ việc tập hợp hồ sơ xin cấp thị thực, bắt đầu từ trước đợt nhập cảnh tháng 01/2021, L thuê hai nhân viên người Việt Nam là Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đến làm việc tại Văn phòng Hội người Hàn miền Trung. Nhiệm vụ của L, P là liên hệ với người làm hồ sơ tại các doanh nghiệp, kiểm tra, hướng dẫn,

làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực. Quá trình làm việc, kể từ khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực của đợt nhập cảnh tháng 02/2021, L và P biết rõ việc nhiều doanh nghiệp tổ chức cho khách Hàn Quốc nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên, L và P vẫn Gúp sức trong việc hướng dẫn, làm Gúp Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ các doanh nghiệp này.

Cứ mỗi đợt nhập cảnh thì khách Hàn Quốc sẽ đóng một số tiền nhất định cho Hội người Hàn miền Trung và chia làm 02 lần, bao gồm: tiền đặt cọc (đóng trước khi xin cấp thị thực) và tiền còn lại sẽ phải đóng trước ngày nhập cảnh. Nếu khách không xin được thị thực thì sẽ được hoàn lại toàn bộ số tiền đã đóng cho Hội người Hàn miền Trung. Việc đóng tiền của khách nhập cảnh được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng. Nếu là chuyển khoản ngân hàng thì khách có thể chuyển khoản đến tài khoản được mở tại Ngân hàng Hàn Quốc và Ngân hàng Việt Nam thông qua số tài khoản của L và người thân của L tại Hàn Quốc. Sau khi khách đóng tiền đặt cọc thì sẽ được mời vào một nhóm chat trên Kakao Talk, cứ mỗi đợt nhập cảnh thì sẽ có một nhóm chat riêng. Mục đích của nhóm chat này là để L và S thuận tiện cho việc thông báo về các vấn đề liên quan đến chuyến bay nhập cảnh, bao gồm: danh sách cơ sở xét nghiệm Covid-19 trước khi nhập cảnh; thời Gian, địa điểm, số hiệu chuyến bay; cơ sở cách ly và dịch vụ ăn uống tại khu cách ly… đều được thông báo trên nhóm chat này.

Trên cơ sở danh sách các khách sạn được Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng cho phép làm cơ sở cách ly y tế, L chỉ đạo S chọn và liên hệ với khách sạn để ký hợp đồng thuê cơ sở cách ly y tế với tư cách là Gám đốc Công ty TNHH H (đây là Công ty TNHH M sau khi đổi tên trên Gấy phép đăng ký kinh doanh nhằm phục vụ việc tổ chức nhập cảnh "chuyên gia": đóng dấu trên các Gấy tờ như hợp đồng thuê cơ sở cách ly, phương án cách ly y tế…). Đồng thời, S xây dựng phương án cách ly y tế để trình Sở Y tế TP Đà Nẵng phê duyệt.

Khi hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh từ các doanh nghiệp, L và S tiếp tục lên danh sách và gửi cho Han Dong Y để Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc soạn thảo Công hàm gửi đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an. Nội dung Công hàm đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh hỗ trợ trong việc cấp visa cho công dân Hàn Quốc (có danh sách kèm theo). L và S gửi Công hàm nói trên cùng hồ sơ để Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp thị thực cho khách.

Sau khi Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản chấp thuận việc nhập cảnh và cấp thị thực cho các cá nhân, L chỉ đạo S gửi văn bản này cùng với Công văn của Văn phòng Chính phủ, Công văn của Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng, phương án cách ly y tế đến Hãng hàng không. Mục đích để các Hãng hàng không xin Gấy phép bay từ Cục Hàng không – Bộ Gao thông vận tải. Đồng thời, S thông báo lên nhóm chat Kakao Talk để khách biết và đến sân bay Incheon thực hiện chuyến nhập cảnh. Đến khi nhập cảnh Việt Nam, khách Hàn Quốc thực hiện việc cách ly theo phương án cách ly y tế đã được Sở Y tế TP Đà Nẵng phê duyệt. Việc cung cấp dịch vụ ăn uống tại các cơ sở cách ly y tế đều do L và S đứng ra tổ chức.

Việc L và S đứng ra tổ chức việc nhập cảnh chuyên gia theo quy trình nói

trên là trái với các quy định tại Công văn số 2847/CV-BCĐ ngày 23/5/2020 của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch Covid-19 về việc hỗ trợ cho người nước ngoài là nhà đầu tư, chuyên gia kỹ thuật, lao động tay nghề cao, nhà quản lý doanh nghiệp nhập cảnh Việt Nam để làm việc và Công văn số 6439/UBND-SYT ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng về việc hướng dẫn việc cách ly y tế trong Gai đoạn phòng chống dịch Covid-19.

Trong thời Gian từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021, L và S đã tổ chức được 04 chuyến bay nhập cảnh từ Incheon (Hàn Quốc) đến TP Đà Nẵng, cụ thể:

- Đợt nhập cảnh ngày 11/12/2020: Khách nhập cảnh phải đóng số tiền 1.950.000 W/01 người (hoặc 41.000.000 đồng). Tổng cộng trong đợt này có 47 khách nhập cảnh. L ký hợp đồng thuê máy bay với Hãng hàng không J Air, ký phương án cách ly y tế với tư cách Phó Chủ tịch Hội người Hàn miền Trung. S ký hợp đồng thuê khách sạn Flora làm cơ sở cách ly y tế cho khách nhập cảnh với tư cách Gám đốc Công ty TNHH H.

- Đợt nhập cảnh ngày 23/01/2021: Khách nhập cảnh phải đóng số tiền 2.100.000won/01 người phòng đơn (44.000.000 đồng) hoặc 1.900.000won/01 người phòng đôi (40.000.000 đồng). Tổng cộng trong đợt này có 58 khách nhập cảnh. L ký hợp đồng thuê máy bay với Hãng hàng không J Air, ký phương án cách ly y tế với tư cách Phó Chủ tịch Hội người Hàn miền Trung. S ký hợp đồng thuê khách sạn Dana City làm cơ sở cách ly y tế cho khách nhập cảnh với tư cách Gám đốc Công ty TNHH H.

- Đợt nhập cảnh ngày 26/02/2021: Khách nhập cảnh phải đóng số tiền 2.100.000won (hoặc 44.000.000 đồng)/01 người - phòng đơn hoặc 1.900.000won (hoặc 40.000.000 đồng)/01 người - phòng đôi. Tổng cộng trong đợt này có 75 khách nhập cảnh. L ký hợp đồng thuê máy bay với Hãng hàng không J, ký phương án cách ly y tế với tư cách Phó Chủ tịch Hội người Hàn miền Trung. S ký hợp đồng thuê khách sạn Dana City làm cơ sở cách ly y tế cho khách nhập cảnh với tư cách Gám đốc Công ty TNHH H.

- Đợt nhập cảnh ngày 26/03/2021: Khách nhập cảnh phải đóng tiền vé máy bay 480.000won/01 người và phí cách ly 36.000.000 đồng (hoặc 1.550 USD)/01 người – phòng đơn, 32.500.000đồng (hoặc 1.400USD)/01 người – phòng đôi. Tổng cộng trong đợt này có 84 khách nhập cảnh. L ký hợp đồng thuê máy bay với Hãng hàng không T'way Air. S ký hợp đồng thuê khách sạn Grand Cititel, ký phương án cách ly y tế với tư cách Gám đốc Công ty TNHH H.

Tổng cộng có 264 khách từ Hàn Quốc đã nhập cảnh trên 04 chuyến bay nói trên, trong đó có nhiều cá nhân nhập cảnh trái phép thông qua hoạt động của các doanh nghiệp môi Giới, doanh nghiệp bảo lãnh có tên sau:

I. Đối với Công ty Khan Vina – là doanh nghiệp môi Giới bảo lãnh nhập cảnh do Song Hong S thành lập

Sau khi biết được quảng cáo về nhập cảnh "chuyên gia" của Hội người Hàn miền Trung, Song Hong S đã liên hệ với S và biết được việc khách Hàn Quốc không có công ty bảo lãnh, không làm việc tại các công ty bảo lãnh thì cũng có

thể nhập cảnh Việt Nam. Chỉ cần có công ty bảo lãnh và có hồ sơ là có thể xin thị thực nhập cảnh cho khách Hàn Quốc có nhu cầu. Song Hong S quảng cáo việc môi Giới làm thị thực nhập cảnh Việt Nam trên mạng xã hội với tên quảng cáo là Công ty Khan Vina. Mục đích là để tìm kiếm khách Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam. Khi có khách đặt vấn đề muốn nhập cảnh thì Song Hong S trực tiếp tư vấn, làm hồ sơ xin cấp thị thực và nhận tiền của mỗi khách là 300USD. Đồng thời khách Hàn Quốc phải đóng thêm một khoản tiền là 2.100.000 W hoặc 2.190.000 W thông qua tài khoản của L để nhập cảnh Việt Nam.

Sau khi nhận hình chụp hộ chiếu của khách, Song Hong S lên thông tin của khách (theo mẫu khảo sát) và gửi đến cho Hội người Hàn miền Trung thông qua S hoặc L. L và S biết rõ việc môi Giới nhập cảnh của Công ty Khan Vina và các công ty bảo lãnh khác, nhưng vẫn đồng ý tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực cho khách Hàn Quốc.

Khi tiếp nhận thông tin khách của Song Hong S thì S trực tiếp làm các mẫu NA2, NA16 và Gấy Giới thiệu gửi cho Song Hong S qua Kakao Talk.

Song Hong S in các Gấy tờ này ra và để đưa cho các công ty bảo lãnh, đóng dấu. Sau đó, Song Hong S đem các Gấy tờ này cùng với bản sao Gấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Gấy chứng nhận mẫu dấu của doanh nghiệp chuyển lại cho S để xin cấp thị thực nhập cảnh cho khách.

Đối với mỗi khách nhập cảnh, Công ty Khan Vina thu của khách số tiền 300 USD/01 người. Số tiền này Song Hong S sử dụng để thanh toán cho công ty bảo lãnh về việc ký bảo lãnh và mua một số đồ dùng, thực phẩm cho khách nhập cảnh, còn lại là thu lợi cá nhân. Mỗi trường hợp khách nhập cảnh thành công, Song Hong S thu lợi bất chính số tiền khoảng 1.000.000 đồng.

Trong khoảng thời Gian từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021, thông qua các công ty bảo lãnh là Công ty TNHH K, Công ty TNHH T và Công ty TNHH MTV P T, Song Hong S đã lập hồ sơ cho 24 công dân Hàn Quốc nhập cảnh trái phép theo diện "chuyên gia". Trong đó đã tổ chức nhập cảnh trái phép vào Việt nam 19 người, thu lợi bất chính là 19.000.000 đồng, cụ thể:

1. Công ty TNHH K (Công ty K)

Năm 2018, Song Hong S nhờ Võ Tấn C đứng tên làm người đại diện pháp luật của Công ty K. Thực chất đây là Công ty do Song Hong S lập ra nhưng nhờ C đứng tên Gúp.

Để tổ chức cho khách Hàn Quốc nhập cảnh trái phép, Song Hong S đề nghị C ký hồ sơ xin cấp thị thực để bảo lãnh. Cứ mỗi khách nhập cảnh C nhận từ Song Hong S 100USD. Biết rõ 14 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty K, nhưng C vẫn ký bảo lãnh cho 14 công dân Hàn Quốc nhập cảnh trái phép theo diện "chuyên gia". Trong đó 09 người đã nhập cảnh trái phép.

2. Công ty TNHH T (Công ty T)

Năm 2019, C cùng với ông Kim Y B thành lập Công ty T kinh doanh nhà

hàng ăn uống. Biết C là đại diện pháp luật của Công ty này nên Song Hong S đề nghị C ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh. Cứ mỗi khách nhập cảnh C nhận từ Song Hong S 100USD. Biết rõ 03 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty TNHH T, nhưng C vẫn ký bảo lãnh cho 03 công dân Hàn Quốc nhập cảnh trái phép theo diện "chuyên gia" và 03 người này đã nhập cảnh trái phép.

Như vậy, thông qua Công ty K, Công ty T, Võ Tấn C đã tổ chức nhập cảnh trái phép cho 12 người Hàn Quốc vàđã thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng.

3. Công ty TNHH MTV P T

Công ty TNHH MTV P T được thành lập ngày 14/02/2020 và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, vận tải hành khách. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên công ty đóng cửa không hoạt động. Đến tháng 12/2020, Phạm Kim P được Song Hong S thuê làm lái xe riêng. Song Hong S biết được Hội người Hàn miền Trung đang tổ chức nhập cảnh chuyên gia nên nảy sinh ý định lợi dụng Công ty P T để ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh nhằm thu lợi cá nhân, cụ thể:

- Khoảng tháng 01/2021, Song Hong S đề nghị P ký bảo lãnh cho khách Hàn sơ xin cấp thị thực nhập cảnh của khách Hàn Quốc, S làm Gúp cho Song Hong S Quốc nhập cảnh. Mỗi khách nhập cảnh P nhận từ Song Hong S200USD. Hồ. Sau đó P ký hồ sơ bảo lãnh cho 03 người Hàn Quốc và Song Hong S chuyển hồ sơ cho Hội người Hàn miền Trung để xin cấp thị thực và 03 người này đã nhập cảnh trái phép vào ngày 23/01/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

- Cũng với cách thức như trên, khoảng đầu tháng 3/2021, theo đề nghị của Song Hong S, P tiếp tục ký bảo lãnh cho 04 công dân Hàn Quốc khác và 04 người này đã nhập cảnh trái phép vào ngày 26/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Như vậy, thông qua Công ty TNHH MTV P T, Phạm Kim P đã tổ chức nhập cảnh trái phép cho 07 công dân Hàn Quốc và đã thu lợi bất chính số tiền 30.800.000 đồng.

II. Đối với Công ty K (CVD Visa) – là doanh nghiệp môi Giới bảo lãnh nhập cảnh do Kim W H và Kim Byeong J thành lập

Khoảng tháng 6/2020, Kim W H và Kim Byeong J thành lập Công ty K (không đăng ký kinh doanh) hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực gia hạn thị thực cho khách nước ngoài, Tô My Hồng O là nhân viên Công ty.

T qua mối quan hệ với L và S, Kim W H biết được việc Hội người Hàn miền Trung tổ chức nhập cảnh "chuyên gia" trong đợt nhập cảnh tháng 12/2020. Cũng trong thời Gian này, Kim W H và Kim Byeong J hợp tác với Shin Moon S đứng ra thành lập Công ty K có trụ sở tại 150 Dương Đình Nghệ, phường An Hải Bắc, quận S. Trong đó: Kim W H và Kim Byeong J hoạt động chủ yếu về dịch vụ môi Giới bảo lãnh nhập cảnh còn Shin Moon S hoạt động chủ yếu về dịch vụ cho thuê xe ôtô.

Tại Công ty K, Kim W H và Kim Byeong J đóng vai trò phụ trách chung,

có trách nhiệm quảng cáo, tìm kiếm khách có nhu cầu nhập cảnh, tư vấn và nhận tiền từ khách Hàn Quốc. Tô My Hồng O có trách nhiệm tìm kiếm doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố để ký bảo lãnh cho khách và làm hồ sơ xin cấp thị thực của khách. Đến tháng 02/2021, Văn Thị Phương T cũng đến làm tại Công ty K và phụ Gúp O trong việc làm hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh theo chỉ đạo của Kim W H và Kim Byeong J.

Khách từ Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam chỉ cần gửi hình ảnh hộ chiếu, hồ sơ xin cấp thị thực sẽ do Công ty K lo. Khách phải trả cho Công ty K 2.500 USD. Đối với mỗi khách nhập cảnh Công ty K thu lợi số tiền 200 USD/01 người, số tiền này sau đó được chia lại cho phía công ty bảo lãnh cùng Kim W H, Kim Byeong J, Tô My Hồng O và Văn Thị Phương T.

Sau khi tìm được khách và doanh nghiệp ký bảo lãnh, Kim W H nhờ S làm Gúp hồ sơ (trong đợt nhập cảnh tháng 12/2020 và tháng 01/2021) hoặc chỉ đạo Tô My Hồng O, Văn Thị Phương T (bắt đầu từ đợt nhập cảnh tháng 02/2021) làm hồ sơ. Làm xong các Gấy tờ trong hồ sơ thì Kim W H chỉ đạo O hoặc T liên hệ với các doanh nghiệp để ký bảo lãnh nhập cảnh. O, T mặc dù biết rõ những người nhập cảnh không phải "chuyên gia", không làm việc tại doanh nghiệp bảo lãnh nhưng vì vụ lợi, O, T vẫn thực hiện việc liên lạc, làm hồ sơ xin cấp thị thực để những cá nhân này nhập cảnh trái phép.

L và S biết rõ việc môi Giới nhập cảnh của Công ty K và các công ty bảo lãnh khác, nhưng vẫn tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực.

Các doanh nghiệp ký bảo lãnh nhập cảnh theo dịch vụ môi Giới của Công ty K bao gồm:

1. Công ty TNHH Reach & Development

Tháng 5/2020 Kim W H, Kim Byeong J và Tô My Hồng O thành lập Công ty TNHH Reach & Development và nhờ Tô Quyền L (là em trai của Tô My Hồng O) là người đại diện pháp luật. Đến tháng 8/2020, thông qua Tô My Hồng O, Oh Nu Ri (là người có nhu cầu nhập cảnh) đã liên hệ với Kim W H đề nghị bảo lãnh cho Oh Nu Ri và con gái sang Việt Nam. Kim W H đồng ý và Oh Nu Ri đã chuyển cho Kim W H số tiền 4.500USD. lúc này do dịch bệnh nên chưa nhập cảnh được. Đến tháng 11/2020 Kim W H đề nghị Tô Quyền L sử dụng Công ty TNHH Reach & Development để bảo lãnh cho Oh Nu Ri và con gái nhập cảnh theo diện "chuyên gia". L đồng ý ký bảo lãnh. Sau đó 02 khách này đã nhập cảnh trái phép vào ngày 13/11/2020.

2. Công ty TNHH S (Công ty S)

Khoảng tháng 6/2017, Tô My Hồng O thành lập Công ty S hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực du lịch, nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty không hoạt động. Sau khi Kim W H và Kim Byeong J mở Công ty K thì tuyển O vào làm nhân viên Công ty. Khoảng tháng 10/2020, Kim W H đề nghị O sử dụng Công ty S để ký bảo lãnh cho 01 khách nhập cảnh. Mặc dù biết rõ công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty ST Internationalvà biết rõ Kim W H nhận tiền hoa hồng từ việc bảo lãnh khách nhập

cảnh, nhưng O đã ký hồ sơ bảo lãnh. Tuy nhiên, do đợt này khách không nhập cảnh được nên Kim W H tiếp tục làm hồ sơ nhập cảnh cho khách vào đợt nhập cảnh tháng 12/2020 do Hội người Hàn miền Trung tổ chức. Đến ngày 11/12/2021 người này đã nhập cảnh tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

3. Công ty TNHH TM và DV D (Công ty D)

Tháng 5/2018, Đặng Thị H N thành lập Công ty D. Đến đầu năm 2019, N sang tên để Nguyễn Trần Anh T đứng tên là người đại diện pháp luật. Từ tháng 12/2020 đến tháng 01/2021, T Anh đã 02 lần sử dụng Công ty D ký hồ sơ bão lãnh nhập cảnh trái phép, cụ thể:

- Đầu tháng 12/2020, Tô My Hồng O đặt vấn đề với T sử dụng công ty của T để ký bảo lãnh cho 01 khách nhập cảnh. O hứa nếu nhập cảnh thành công, Công ty K sẽ trả cho T 300USD/01 khách. Biết rõ công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty DK, nhưng T đã ký bảo lãnh nhập cảnh và người này đã nhập cảnh vào ngày 11/12/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Số tiền 300 USD, đến nay T vẫn chưa nhận được.

- Cũng với cách thức như trên, đến tháng 01/2021, O tiếp tục đề nghị T sử dụng công ty của T để ký bảo lãnh. O hứa hẹn nếu khách nhập cảnh thành công, Công ty K sẽ thanh toán cho T số tiền 200USD/01 khách. Biết rõ 07 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty D, nhưng T đã ký hồ sơ bảo lãnh. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 07 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

4. Công ty TNHH MTV G (Công ty G)

Tháng 11/2019, Nguyễn Trần Anh T thành lập Công ty G, T là người đại diện theo pháp luật. Từ tháng 12/2020 đến tháng 01/2021, T Anh đã 02 lần sử dụng Công ty G ký hồ sơ bão lãnh nhập cảnh trái phép, cụ thể:

- Khoảng đầu tháng 12/2020, Tô My Hồng O đặt vấn đề với T sử dụng công ty của T để ký bảo lãnh cho 01 khách nhập cảnh. O hứa hẹn nếu khách nhập cảnh thành công, Công ty K sẽ trả cho T số tiền 300USD/01 khách. Biết rõ công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty G, nhưng T đã ký bảo lãnh cho 01 công dân Hàn Quốc nhập cảnh trái phép theo diện "chuyên gia" và ngày 11/12/2021 người này đã nhập cảnh tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Số tiền 300USD đến nay T vẫn chưa nhận được.

- Cũng với cách thức như trên, đến tháng 01/2021, O tiếp tục đề nghị T sử dụng công ty của T ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh. O hứa hẹn nếu khách nhập cảnh thành công, Công ty K sẽ trả cho T số tiền 200 USD/01 khách. Biết rõ 05 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty G, nhưng T đã ký bảo lãnh. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 05 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

5. Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ M. (Công ty M)

Tháng 8/2020, bà Gian Wang E thành lập Công ty M, do quen biết với Nguyễn Trần Anh T, nên khi mở Công ty, bà Gian Wang E đề nghị T làm kế toán, sổ sách tại công ty, mỗi tháng bà Gian Wang E trả cho T 500.000 đồng và Gao cho T Gữ con dấu của công ty.

Đến tháng 01/2021, Tô My Hồng O đặt vấn đề với T sử dụng công ty của T để ký bảo lãnh cho khách nhập cảnh. O hứa nếu khách nhập cảnh thành công, Công ty K sẽ trả cho T số tiền 200 USD/01 khách. Biết rõ 04 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty M, nhưng T đã Gả chữ ký của bà Gian Wang E và đóng con dấu của Công ty M lên hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh. Bà Gian Wang E hoàn toàn không biết việc làm của T. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 03 người Hàn Quốc trong số này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

6. Công ty TNHH MTV thương mại và tổng hợp X (Công ty X)

Tháng 9/2020, Nguyễn Trần Anh T thành lập Công ty X. Đến tháng 01/2021, T sang tên để Choi Seung W đứng tên là người đại diện pháp luật. Sau khi sang tên thì Choi Seung W đề nghị T làm kế toán cho công ty, mỗi tháng Choi Seung W trả cho T 400.000 đồng. Công ty quản lý con dấu, T chỉ sử dụng khi cần đóng dấu các Gấy tờ, sổ sách có liên quan.

Tháng 01/2021, Tô My Hồng O đặt vấn đề với T sử dụng các công ty của T để ký bảo lãnh. O hứa nếu khách nhập cảnh thành công, Công ty K sẽ thanh toán cho T 200 USD/01 khách. Biết rõ 04 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty X, nhưng T đã Gả chữ ký của Choi Seung W và lấy con dấu của Công ty X đóng vào hồ sơ để bảo lãnh nhập cảnh. Choi Seung W hoàn toàn không biết về việc làm của T. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 04 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

T qua 04 doanh nghiệp (Công ty TNHH D, Công ty G, Công ty M, Công ty X), Nguyễn Trần Anh T đã tổ chức cho 21 người nhập cảnh trái phép và thu lợi bất chính tổng cộng số tiền 92.000.000 đồng. Số tiền này T nhận từ Công ty K thông qua Tô My Hồng O.

7. Công ty TNHH dịch vụ quảng cáo S (Công ty S).

Tháng 4/2019, Trần Thanh S thành lập Công ty S. Do thiếu điều kiện để tiếp tục tổ chức hoạt động kinh doanh nên công ty đóng cửa từ ngày 01/5/2020. Đến ngày 10/01/2021 thì Kim W H và Tô My Hồng O đặt vấn đề với S về việc sử dụng Công ty S để bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh, cứ mỗi khách nhập cảnh thành công và gia hạn thị thực 01 lần thì Kim W H sẽ trả cho S 300USD. Từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021, Trần Thanh S đã 02 lần sử dụng Công ty S ký hồ sơ bão lãnh nhập cảnh trái phép, cụ thể:

- Ngày 10/01/2021, S biết rõ 03 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty S, nhưng S đã ký bảo lãnh. Sau đó Kim W H và O chuyển hồ sơ đến Hội người Hàn miền Trung để xin cấp thị thực cho khách và 02 người trong số này đã nhập cảnh vào ngày 23/01/2021. Tuy nhiên, đến nay S vẫn chưa nhận được tiền từ Kim W H.

- Ngày 15/02/2021, Kim W H tiếp tục đề nghị S sử dụng Công ty S để bảo lãnh cho 02 khách Hàn Quốc nhập cảnh. Tô My Hồng O và Văn Thị Phương T cùng nhau soạn các Gấy tờ trong hồ sơ xin cấp thị thực của khách nhập cảnh theo bảo lãnh của Công ty S. Biết rõ 02 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty S, nhưng S vẫn ký bảo lãnh. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 02 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Tuy nhiên, đến nay S vẫn chưa nhận được tiền từ Kim W H.

8. Công ty TNHH O (Công ty Galbi).

Tháng 4/2019, Văn Thị Phương T thành lập Công ty Galbi, do có quen biết trong việc làm ăn kinh doanh, nên tháng 12/2020, Kim W H đề nghị T ký bảo lãnh cho 03 khách Hàn Quốc nhập cảnh với mục đích đầu tư và làm việc tại Công ty Galbi. 03 khách này đã nhập cảnh hợp pháp, sau khi nhập cảnh đã đến Công ty Galbi để làm việc.

Đến tháng 01/2021, biết được Hội người Hàn miền Trung tổ chức nhập cảnh chuyên gia, Kim W H và Tô My Hồng O đề nghị T sử dụng Công ty Galbi ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh, cứ mỗi khách nhập cảnh thành công và gia hạn thị thực 01 lần thì Kim W H sẽ trả cho T 300 USD. Biết rõ 02 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty Galbi nhưng T đã ký bảo lãnh. Sau đó Kim W H và O chuyển hồ sơ đến Hội người Hàn miền Trung để xin cấp thị thực cho khách và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 23/01/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Sau khi 02 công dân Hàn Quốc này nhập cảnh thì T biết được các công ty khác chỉ cần ký bảo lãnh cho khách nhập cảnh thành công thì đã được nhận tiền, còn T sau khi khách nhập cảnh thành công thì phải ký gia hạn thị thực cho khách thêm 03 tháng nữa mới nhận được tiền. Do đó, Gữa T và Kim W H nảy sinh mâu thuẫn, T không đồng ý về việc ký Gấy tờ nhằm gia hạn thị thực cho 02 công dân Hàn Quốc nói trên nên chưa được Kim W H trả tiền.

9. Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch T (Công ty Service).

Tháng 11/2016, Nguyễn Văn Minh T thành lập Công ty Service. Tháng 11/2020, Joe Seok H nhờ T bảo lãnh cho Joe Seok H cùng vợ là Park S A và con gái là Joe Iel nhập cảnh Việt Nam. Joe Seok H hứa với T sau khi nhập cảnh sẽ liên hệ với Park Kwang Soon để đòi nợ Gúp T. Do khi làm ăn chung với nhau, Park Kwang Soon đã nợ T số tiền 70.000 USD. Biết rõ Joe Seok H và Park S A không thuộc diện được nhập cảnh, nhưng vì vụ lợi, T đồng ý ký hồ sơ đề nghị cấp thị thực nhập cảnh cho Joe Seok H và Park S A (diện chuyên gia), Joe Iel (diện

thân nhân chuyên gia) và 03 người này đã nhập cảnh vào ngày 11/12/2020 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Ngoài ra, vào ngày 31/01/2021, qua trao đổi với Tô My Hồng O thì Nguyễn Văn Minh T biết việc Công ty K làm dịch vụ môi Giới bảo lãnh nhập cảnh cho khách Hàn Quốc để thu lợi số tiền 200 USD/01 khách. Đầu tháng 02/2021, O Giới thiệu cho T 04 người Hàn Quốc muốn nhập cảnh đợt 26/02/2021 nhưng chưa có công ty bảo lãnh. O và Văn Thị Phương T cùng nhau soạn các Gấy tờ trong hồ sơ xin cấp thị thực của khách nhập cảnh theo bảo lãnh của Công ty Service. Biết rõ 04 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty Service. Nhưng T đã ký bảo lãnh. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 04 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Tuy nhiên đến nay T chưa nhận được tiền 200 USD/01 khách mà Tô My Hồng O hứa hẹn.

10. Công ty TNHH KV T (Công ty T).

Tháng 7/2020, Nguyễn Trung T thành lập Công ty Tour& Media hoạt động trên lĩnh vực cho thuê xe ôtô. Đến tháng 8/2020, Shin Mon S (bạn làm ăn của T) dẫn Kim W H đến thuê xe ôtô từ đó hai bên quen biết với nhau.

Khoảng cuối tháng 01/2021, Kim W H cùng Tô My Hồng O đến gặp và đặt vấn đề với T về việc sử dụng Công ty T để ký bảo lãnh cho khách nhập cảnh. Kim W H hứa với T sau khi khách nhập cảnh sẽ thuê xe ôtô của Công ty T. Ngoài ra, Shin Mon S cũng đề nghị T cho số khách nhập cảnh thuê xe với mức Giá cao hơn so với bình thường. Biết rõ 07 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty T. Nhưng vì vụ lợi, T ký bảo lãnh. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 05 người Hàn Quốc trong số này đã nhập cảnh Việt Nam vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Trong việc ký bảo lãnh nhập cảnh với tư cách Gám đốc Công ty T, Nguyễn Trung T đã thu lợi bất chính 3.000.000đồng. Số tiền này là tiền chênh lệch cho khách nhập cảnh thuê xe với mức Giá cao hơn so với bình thường.

11. Công ty TNHH DV quảng cáo và truyền thông N (Công ty N).

Tháng 3/2019, Nguyễn Trí V thành lập Công ty N. Tháng 3/2021, Tô My Hồng O liên hệ và đặt vấn đề với V sử dụng Công ty N để ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh, mỗi khách nhập cảnh thành công thì O và phía Công ty K sẽ trả cho V số tiền 200USD. O và Văn Thị Phương T cùng soạn các Gấy tờ trong hồ sơ xin cấp thị thực theo bảo lãnh của Công ty N. Biết rõ 04 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty N, nhưng V đã ký bảo lãnh cho 04 công dân Hàn Quốc nhập cảnh trái phép theo diện "chuyên gia". Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ O và 04 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. V thu lợi bất chính số tiền 18.400.000 đồng.

12. Công ty TNHH công nghệ tin học A (Công ty A).

Tháng 5/2020, Đỗ Văn H thành lập Công ty A hoạt động trên lĩnh vực mua bán, sửa máy tính, máy in, lắp đặt camera. Do từng sửa chữa máy tính của Công ty TNHH Reach& Development nên H có quen biết với Kim Byeong J. Khoảng tháng 3/2021, Kim Byeong J liên hệ và đặt vấn đề với H sử dụng Công ty A để bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh. Kim Byeong J hứa sau khi khách nhập cảnh thì những người này sẽ mua máy tính và máy in của H.

Mặc dù biết rõ 05 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty A. Nhưng vì vụ lợi, H ký bảo lãnh. Phan Thị Thảo L và Phạm Thị P đã có hành vi kiểm tra, hướng dẫn, làm Gúp một số Gấy tờ và tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực từ Oanhvà 05 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 26/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng

13. Công ty TNHH MTV DV và KS H (Công ty H).

Tháng 7/1992, Nguyễn Thanh H thành lập Công ty H hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực khách sạn và cho thuê xe ôtô. Khoảng tháng 02/2021, Tô My Hồng O nhờ Nguyễn Trung T (Gám đốc Công ty Tour& Media) tìm công ty để bảo lãnh cho người Hàn Quốc nhập cảnh, hứa với T về việc sẽ Giới thiệu họ thuê xe của T. Nguyễn Thanh H có gửi 04 xe ô tô ở chỗ của T để cho thuê, do đó T đã gọi điện cho H ký bảo lãnh để khách Hàn Quốc nhập cảnh vào nhằm cho thuê xe ôtô. Hồ sơ sau đó được O và T chuẩn bị và gửi qua grab mang lên cho H ký, đóng dấu bảo lãnh nhập cảnh với tư cách Gám đốc Công ty H. Trong đợt nhập cảnh ngày 26/02/2021 do Hội người Hàn miền Trung tổ chức, H ký bảo lãnh cho 05 công dân Hàn Quốc nhập cảnh, tuy nhiên, những người này không được phê duyệt nhập cảnh.

Đến đợt nhập cảnh ngày 19/3/2021 do Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam tổ chức, H ký bảo lãnh cho 02 công dân Hàn Quốc nhập cảnh tại Sân bay Quốc tế Nội Bài. O và T cùng nhau soạn hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh được Công ty H bảo lãnh. Biết rõ 02 công dân Hàn Quốc không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty H, nhưng H đã ký bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 19/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Nội Bài và H thu lợi bất chính số tiền 9.300.000 đồng.

Ngoài các doanh nghiệp bảo lãnh thông qua công ty dịch vụ nói trên, quá trình điều tra còn nhiều doanh nghiệp khác có hành vi bảo lãnh nhập cảnh trái phép thông qua các chuyến do Hội người Hàn miền Trung tổ chức, cụ thể:

1. Công ty TNHH M (Công ty M)

Năm 2015, H Thế Thiện thành lập Công ty Mai Tour, S là thành viên góp vốn. Đến tháng 8/2019, Công ty Mai Tour đổi tên thành Công ty M, đại diện pháp luật là S.Trong khoảng thời Gian từ tháng 11/2020 đến tháng 3/2021, S đã 02 lần bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh trái phép, cụ thể:

- Tháng 11/2020, S biết có 05 công dân Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam, đồng thời những người này hứa sau khi nhập cảnh nếu tình hình dịch

Covid-19 ổn định thì sẽ đầu tư vào Công ty M. Biết rõ 05 công dân Hàn Quốc không phải là "nhà đầu tư", không làm việc tại Công ty M. Nhưng vì vụ lợi, S đã ký bảo lãnh và 05 người này đã nhập cảnh vào ngày 13/11/2020 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

- Tháng 12/2020, khi đang cùng với L tổ chức đợt nhập cảnh "chuyên gia" vào ngày 11/12/2020. Qua trao đổi, S biết được Jang Jung H có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam nên nảy sinh ý định sử dụng Công ty M để ký bảo lãnh nhập cảnh. Mục đích nhập cảnh của Jang Jung H là để tìm việc làm. Jang Jung H hứa với S sau khi nhập cảnh nếu tình hình dịch Covid-19 ổn định thì sẽ đầu tư vào Công ty M. L cũng biết về việc S sử dụng Công ty M để ký bảo lãnh nhập cảnh trái phép. Biết rõ Jang Jung H không phải là "nhà đầu tư", không làm việc tại Công ty M, nhưng vì vụ lợi, S đã ký bảo lãnh và người này đã nhập cảnh vào ngày 11/12/2020 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

2. Công ty TNHH S Cafe (Công ty S Café).

Tháng 6/2019, bà Son M thành lập Công ty S Cafe. Đến cuối năm 2020, Lê Xuân T mua lại Công ty S Cafe của bà Son M, nhưng chưa làm thủ tục thay đổi người đại diện pháp luật nhưng bà Son M đã chuyển toàn bộ mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cho T.

T qua quảng cáo trên mạng, T biết Hội người Hàn miền Trung đang tổ chức nhập cảnh theo diện "chuyên gia". L và S biết rõ việc Công ty S Cafe bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực, cụ thể:

- Tháng 12/2020, thông qua bà Park (không rõ lai lịch), T quen biết với Ra Seung Hyun là người có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam để mua căn hộ. T liên hệ trực tiếp và môi Giới để Ra Seung Hyun mua căn hộ ở Mornachy với Giá 3.900.000.000 đồng. Hai bên T nhất nếu nhập cảnh thành công và mua được căn hộ thì T sẽ hưởng 01% Giá hợp đồng. Biết Ra Seung Hyun không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty S Cafe. Nhưng vì vụ lợi, T đã ký hồ sơ bảo lãnh và Ra Seung Hyun đã nhập cảnh vào ngày 11/12/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Sau khi nhập cảnh thì Ra Seung Hyun không mua được căn hộ nên T chưa được hưởng tiền hoa hồng.

- Tháng 01/2021, Yun H Gyun, L G Ra và Jo Y Ae trao đổi với T về việc có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam để mua căn hộ tại Mornachy, nếu nhập cảnh thành công và mua được căn hộ thì sẽ cho T hưởng 1% Giá hợp đồng. Ngoài ra, một người tên Song (không rõ lai lịch) đặt vấn đề T sử dụng Công ty S Cafe để bảo lãnh cho Song Da Seung (cháu của ông Song) nhập cảnh Việt Nam theo diện chuyên gia. Do là chỗ quen biết với nhau nên T đồng ý ký bảo lãnh nhập cảnh. Hồ sơ xin cấp thị thực trong lần này là do Phan Thị Thảo L làm Gúp, L biết rõ T sử dụng các công ty để bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn làm Gúp các Gấy tờ trong hồ sơ và tiếp nhận để xin cấp thị thực nhập cảnh.

T biết rõ 04 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty S Cafe, nhưng vì vụ lợi, T đã ký hồ sơ bảo lãnh và 04 người này đã nhập cảnh vào ngày 23/01/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

- Tháng 3/2021, Choi Hyung K, Choi Myung Sik trao đổi với T về việc có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam để mua căn hộ tại Mornachy. Những người này hứa với T nếu nhập cảnh thành công và mua được căn hộ thì sẽ cho T hưởng 1% Giá hợp đồng. Hồ sơ xin cấp thị thực trong lần này là do Phan Thị Thảo L làm Gúp, L biết T sử dụng các công ty để bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn làm Gúp các Gấy tờ trong hồ sơ và tiếp nhận để xin cấp thị thực nhập cảnh.

T biết 02 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty S Cafe nhưng vì vụ lợi, T đã ký hồ sơ bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 26/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Sau khi nhập cảnh thì không mua được căn hộ nên T chưa được hưởng tiền hoa hồng.

Như vậy, trong việc bảo lãnh nhập cảnh bởi Công ty S Cafe, Lê Xuân T đã 03 lần bảo lãnh cho 07 người Hàn Quốc nhập cảnh trái phép.

3. Công ty TNHH P (Công ty P)

Tháng 01/2021, Lê Xuân T thành lập Công ty P, khi thành lập công ty, hồ sơ thành lập do T làm và T ký chữ ký mang tên bà Vũ Thị Bích X (mẹ ruột của T) là người đại diện pháp luật, nhưng toàn bộ hoạt động của công ty đều do T tổ chức thực hiện. Do biết được Hội người Hàn miền Trung tổ chức nhập cảnh "chuyên gia", T nảy sinh ý định sử dụng Công ty P để ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh. L và S biết rõ việc T sử dụng Công ty Phianh Probảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực, cụ thể:

- Tháng 02/2021, thông qua hai người có tên là L và Kim (không rõ lai lịch), T quen biết với Jo Mun Kyo và Jung Jae H. L và Kim nói với T là 02 người này muốn nhập cảnh Việt Nam theo chuyến do Hội người Hàn miền Trung tổ chức nhưng chưa có công ty bảo lãnh. Đồng thời còn cho T biết là 02 người này đang có ý định mua căn hộ ở Mornachy và thuê mặt bằng kinh doanh tại Đà Nẵng. Sau đó, T liên hệ trực tiếp và gửi hình căn hộ để 02 người này xem. Hai bên T nhất nếu nhập cảnh và mua được căn hộ thì sẽ cho T hưởng 01% Giá hợp đồng. Hồ sơ xin cấp thị thực trong lần này là do Phan Thị Thảo L làm Gúp Lê Xuân T. L biết rõ T sử dụng công ty để bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn làm Gúp các Gấy tờ trong hồ sơ và tiếp nhận xin cấp thị thực nhập cảnh.

T biết 02 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty P. Nhưng vì vụ lợi, T đã ký hồ sơ bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 26/02/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Sau khi nhập cảnh thì Jo Mun Kyo đi xem căn hộ nhưng không đồng ý mua nên T chưa được hưởng tiền hoa hồng, còn Jung Jae H thì không liên lạc gì với T.

- Tháng 3/2021, Kim Seung W đề nghị T bảo lãnh cho Kim So H nhập cảnh với chi phí là 200 USD, số tiền này Kim Seung W đã thanh toán cho T.

Ngoài ra, Jung Y T đề nghị T bảo lãnh nhập cảnh để Jung Y T tìm kiếm mặt bằng tại Đà Nẵng mở nhà hàng. Sau đó, T liên hệ và gửi hình ảnh mặt bằng cho Jung Y T, Giá thuê mặt bằng này là 35.000.000 đồng/01 tháng. Hai bên T nhất nếu nhập cảnh thành công và thuê được mặt bằng thì T sẽ hưởng 01% Giá thuê mặt bằng.

Hồ sơ xin cấp thị thực trong lần này là do Phan Thị Thảo L làm Gúp Lê Xuân T. L biết rõ T sử dụng công ty để bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn làm Gúp các Gấy tờ trong hồ sơ và tiếp nhận để xin cấp thị thực nhập cảnh.

T biết rõ 02 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty P. Nhưng vì vụ lợi, T đã ký hồ sơ bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 26/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Trong việc bảo lãnh nhập cảnh, T thu lợi bất chính số tiền 200 USD từ việc bảo lãnh Kim So H. Đối với trường hợp Jung Y T, sau khi nhập cảnh do không ký được hợp đồng thuê mặt bằng nên T chưa được hưởng tiền hoa hồng.

4. Công ty TNHH P (Công ty P)

Tháng 10/2020, Lê Xuân T thành lập Công ty P, T là đại diện theo pháp luật. Do biết được Hội người Hàn miền Trung tổ chức nhập cảnh "chuyên gia", T sử dụng Công ty P để ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh.

Tháng 3/2021, Kim Seung W đề nghị T bảo lãnh cho Kim Dae H nhập cảnh với chi phí là 200 USD, số tiền này Kim Seung W đã thanh toán cho T. Ngoài ra, L Chul H đề nghị T bảo lãnh nhập cảnh và sẽ chi phí cho T 100 USD nếu nhập cảnh thành công. Sau khi nhập cảnh, L Chul H đã thanh toán cho T số tiền này.

Hồ sơ xin cấp thị thực trong lần này là do Phan Thị Thảo L làm Gúp Lê Xuân T. L biết rõ T sử dụng công ty để bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn làm Gúp các Gấy tờ trong hồ sơ và tiếp nhận để xin cấp thị thực nhập cảnh. L và S biết rõ việc T sử dụng Công ty P bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn đồng ý tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực.

T biết rõ 02 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty P. Nhưng vì vụ lợi, T vẫn ký bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 26/3/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Trong việc bảo lãnh cho 02 khách nhập cảnh, T thu lợi bất chính số tiền 300 USD.

5. Công ty TNHH dịch thuật M (Công ty M)

Tháng 12/2020, Văn Thị Thùy T thành lập Công ty M và để Phạm Thị Mỹ T (nhân viên Công ty) đứng tên là người đại diện pháp luật. Tuy nhiên, đến tháng 01/2021, do mâu thuẫn trong công việc nên T nghỉ việc và sang tên người đại diện pháp luật của doanh nghiệp lại cho T.

Cũng trong thời Gian này, vì muốn qua Việt Nam để thăm bạn gái nên Son Deok G đã tìm hiểu cách nhập cảnh Việt Nam trong tình hình dịch bệnh, Son Deok G đã liên hệ trực tiếp với Hội người Hàn và được biết muốn nhập cảnh Việt Nam trong thời điểm này phải có công ty bảo lãnh nhập cảnh. Son Deok G đã tìm kiếm và biết được Kim Chang G (Công ty TNHH MTV L) có khả năng Gúp Son Deok G nhập cảnh. Qua trao đổi, Kim Chang G biết Son Deok G chưa có công ty bảo lãnh tại Việt Nam nên đã chỉ đạo Phạm Thị Tuyết N (nhân viên) liên hệ các đầu mối bên ngoài tìm công ty bảo lãnh nhập cảnh cho Son Deok G. Kim Chang G báo Giá tìm công ty bảo lãnh cho Son Deok G là 981.000 W và Son Deok G đã

chuyển khoản số tiền này cho Kim Chang G.

Sau khi được Kim Chang G chỉ đạo, Phạm Thị Tuyết N đã liên hệ Đồng Văn Q (là nhân viên Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V) để nhờ Q tìm công ty bảo lãnh cho Son Deok G. Q báo chi phí thuê công ty bảo lãnh là 450 USD. N báo lại Kim Chang G và hai bên T nhất Giá cả.

Đồng Văn Q đã liên hệ Văn Thị Thùy T (Gám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch O Việt Nam) đặt vấn đề muốn T cho mượn công ty của T để bảo lãnh cho 01 khách Hàn Quốc nhập cảnh. T đồng ý, báo Giá mượn công ty bảo lãnh là 300 USD. Sau đó, T đã gửi hình ảnh Gấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty M cho Đồng Văn Q. Q chuyển tiếp hình ảnh này cho N để soạn hồ sơ xin thị thực nhập cảnh cho Son Deok G, công ty bảo lãnh là Công ty M.

Ngày 08/01/2021, sau khi soạn hồ sơ xong thì N đã gửi bộ hồ sơ này trực tiếp cho Q tại văn phòng Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Visa365 kèm theo 450 USD tiền mặt (10.350.000 đồng). Q mang hồ sơ nhận từ N qua văn phòng của T để T ký tên, đóng dấu.

Vì Công ty M tại thời điểm này T nhờ Phạm Thị Mỹ T đứng tên đại diện pháp luật nên T đã nhờ T ký tên vào hồ sơ bảo lãnh cho Son Deok G, nhưng T không đồng ý ký vào hồ sơ này và mang con dấu Công ty M đi cất. Ngày 11/01/2021, vì T không tìm thấy con dấu công ty nên T vàTuyên đã cãi nhau và T cho T nghỉ việc, đồng thời hai bên làm thủ tục chuyển tên chủ sở hữu, đại diện pháp luật công ty lại cho T. Trong thời Gian này, T vẫn đang Gữ con dấu và chưa bàn Gao lại cho T.

Cũng trong ngày 11/01/2021, biết được Công ty M của T không có dấu đóng vào hồ sơ nên Đồng Văn Q đã liên hệ với Đồng Mạnh T (là em ruột của Q) lúc này đang ở Hà Nội để làm một con dấu Gả Công ty M đóng vào hồ sơ bảo lãnh nhập cảnh cho Son Deok G. Đồng Văn Q đã trao đổi với T về việc làm hồ sơ nhập cảnh cho Son Deok G thì đã thu lời: "150 USD". Q nói với T là Q đang thuê công ty của Văn Thị Thuỳ T để bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh nhưng đến lúc nộp hồ sơ thì không có con dấu để đóng vào hồ sơ. Q đã gửi mẫu con dấu của Công ty M cho T (mẫu này Q tự tìm trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về doanh nghiệp), kèm theo hình ảnh Gấy phép đăng ký kinh doanh Công ty M để T tiến hành làm con dấu Gả của Công ty M. Ngoài ra Q không gửi gì khác. Trên Gấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty M, người chủ sở hữu, đại diện pháp luật của công ty lúc này vẫn là Phạm Thị Mỹ T, không phải Văn Thị Thuỳ T.

Sau khi T làm xong con dấu Gả thì T viết tên "Phạm Thị Mỹ T" vào các mẫu trong hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh cho Son Deok G và đóng dấu Gả của Công ty M vào hồ sơ này. Sau khi hồ sơ đã được đóng dấu Gả Công ty M thì Q nhờ T gửi hồ sơ đến S tại một địa chỉ ở Hà Nội (địa chỉ này do N cung cấp cho Q).

Mặc dù biết rõ Son Deok G không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty M, nhưng vì vụ lợi, Kim Chang G, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Phạm Thị Tuyết N vẫn tìm công ty bảo lãnh để Son Deok G nhập cảnh trái phép. Và

Son Deok G đã nhập cảnh Việt Nam vào ngày 23/01/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Đến tháng 02/2021, You W Y muốn nhập cảnh Việt Nam để khảo sát thị trường và tìm kiếm việc làm nhưng không thuộc diện được phép nhập cảnh nên mới nhờ Oh S H. Oh S H nhờ Bae Byung S để hỏi về công ty dịch vụ bảo lãnh nhập cảnh. Bae Byung S liên lạc với vợ chồng Kim Seong H – Văn Thị Thùy T để hỏi về việc nhập cảnh của You W Y. Kim Seong H báo cho Bae Byung S biết chi phí dịch vụ bảo lãnh nhập cảnh là 400 USD, còn chi phí nhập cảnh chuyên gia theo chuyến của Hội người Hàn là 1.800.000 W. Do có mối quan hệ quen biết cá nhân với Oh S H, Bae Byung S chuyển khoản Gúp các chi phí này Gúp You W Y và nhận lại tiền từ Oh S H.

Sau khi nhận được tiền, T soạn hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh của You W Y và ký bảo lãnh nhập cảnh với tư cách Gám đốc Công ty M. L, S mặc dù biết rõ việc Công ty M bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn đồng ý tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực.

T biết rõ You W Y không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty M. Nhưng vì vụ lợi, T vẫn ký bảo lãnh và người này đã nhập cảnh vào ngày 26/2/2021 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Trong việc bảo lãnh You W Yongnhập cảnh, T thu lợi bất chính số tiền 9.280.000 đồng.

6. Công ty TNHH DVDL O Việt Nam (Công ty O Việt Nam).

Tháng 11/2020, Văn Thị Thùy T thành lập Công ty O Việt Nam hoạt động trên lĩnh vực du lịch. Cũng trong thời Gian này, T biết được Hội người Hàn miền Trung đang tổ chức nhập cảnh chuyên gia. Sau đó, nhân viên của một công ty môi Giới dịch vụ bảo lãnh nhập cảnh (chưa rõ là công ty nào) cho biết là có 02 khách Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam nhưng chưa có công ty bảo lãnh. Người này đề nghị T sử dụng công ty của T để bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh theo diện "chuyên gia". T đồng ý với Giá 300 USD/01 người. L và S biết rõ việc Công ty O Việt Nambảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn đồng ý tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực.

T biết rõ 02 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty O Việt Nam. Nhưng vì vụ lợi, T vẫn ký bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 11/12/2020 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Trong việc bảo lãnh cho này, T thu lợi bất chính số tiền 600 USD.

7. Công ty TNHH MTV L (Công ty L)

Tháng 9/2019, Kim Chang G thành lập Công ty L hoạt động trên lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống (Nhà hàng N có địa chỉ tại: quận S). Mặc dù là chủ doanh nghiệp nhưng Kim Chang G không đứng tên người đại diện pháp luật của doanh nghiệp mà để cho nhân viên của mình là Lê Thị T L và sau đó là Nguyễn Thị H T đứng tên. Do biết được Hội người Hàn miền Trung tổ chức nhập cảnh chuyên gia nên Kim Chang G sử dụng danh nghĩa Công ty để ký bảo lãnh cho khách Hàn Quốc nhập cảnh. L và S biết rõ việc Công ty L bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn đồng ý tiếp nhận hồ sơ.

Khoảng tháng 11/2020, Moon Sang M liên hệ với Kim Chang G ký bảo lãnh nhập cảnh cho Moon Sang M và 02 người bạn. Do Moon Sang M có thời Gian lưu trú tại Việt Nam và có quan hệ quen biết với Kim Chang G nên thường trao đổi qua lại với nhau. Moon Sang M hứa hẹn với Kim Chang G nếu ký bảo lãnh nhập cảnh thì sau này sẽ hợp tác làm ăn cùng Kim Chang G. Kim Chang G đồng ý bảo lãnh để 03 khách nhập cảnh và chỉ đạo Phạm Thị Tuyết N (nhân viên Công ty) soạn các Gấy tờ trong hồ sơ xin cấp thị thực. N soạn xong các Gấy tờ thì Kim Chang G gọi Nguyễn Thị H T sang ký, đóng dấu bảo lãnh với tư cách người đại diện pháp luật của Công ty L. Tại thời điểm ký bảo lãnh nhập cảnh, Nguyễn Thị H T đã nghỉ việc tại Công ty từ tháng 7/2020 nhưng chưa làm thủ tục thay đổi tên người đại diện pháp luật. Kim Chang G không trao đổi gì với T về việc nhập cảnh của những khách này, bản thân T cũng không hưởng lợi gì từ việc ký bảo lãnh nhập cảnh.

Kim Chang G biết rõ 03 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty L. Nhưng vì vụ lợi, Kim Chang G vẫn tổ chức cho 03 công dân Hàn Quốc nhập cảnh trái phép theo diện "chuyên gia" và 02 trong số 03 người Hàn Quốc này đã nhập cảnh vào ngày 11/12/2020.

8. Công ty TNHH G DN (Công ty G DN)

Công ty G DN (do anh Nguyễn Đăng Duy T và chị Trần Thị T làm chủ, kinh doanh buôn bán đồ uống) là công ty có đăng ký kinh doanh và có hoạt động sản xuất kinh doanh trên thực tế. Tháng 01/2021, Kim Chang G biết Công ty G DN có nhu cầu tuyển nhân viên người Hàn Quốc làm đại lý bán rượu, nên đã nảy sinh ý định lợi dụng danh nghĩa Công ty G DN để bảo lãnh khách Hàn Quốc nhập cảnh thu lợi cá nhân. Kim Chang G nói dối với anh T là có một số người Hàn Quốc muốn làm việc cho Công ty G DN và đề nghị anh T bảo lãnh nhập cảnh cho số người này. T về trao đổi với vợ là chị T, do có nhu cầu tuyển nhân viên người Hàn Quốc để bán rượu Sochu nên anh T và chị T đồng ý với đề nghị của Kim Chang G. Sau đó Kim Chang G chỉ đạo Phạm Thị Tuyết N soạn thảo các Gấy tờ trong hồ sơ xin cấp thị thực của khách. N làm xong các Gấy tờ, thì Kim Chang G gọi anh T đến văn phòng tại quận S, TP. Đà Nẵng để lấy các Gấy tờ về ký, đóng dấu. Anh T đến nhận các Gấy tờ và đưa về cho chị T ký, đóng dấu hồ sơ bảo lãnh nhập cảnh cho 03 khách Hàn Quốc rồi đưa lại cho Kim Chang G. Sau đó, Kim Chang G nộp hồ sơ cho Hội người Hàn miền Trung để xin cấp thị thực. L và S biết rõ việc bảo lãnh nhập cảnh trái phép của Kim Chang G nhưng vẫn tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực.

Vào ngày 26/02/2021, 03 người Hàn Quốc do Kim Chang G làm thủ tục bảo lãnh đã nhập cảnh. Tuy nhiên, sau khi nhập cảnh 03 người Hàn Quốc này không đến làm việc tại Công ty G DN và cũng không liên hệ gì với anhThông và chị T như thỏa thuận ban đầu. Kim Chang G đã thu lợi bất chính số tiền 6.000.000 đồng. Anh T và chị T không biết việc Kim Chang G tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và cũng không hưởng lợi gì từ việc nhập cảnh của 03 khách Hàn Quốc nói trên.

9. Công ty TNHH TM DV tổng hợp I (Công ty I).

Tháng 7/2018, Kim In S thành lập Công ty I kinh doanh buôn bán nông sản và dịch vụ du lịch. Tháng 01/2021, Jang Seong H muốn nhập cảnh Việt Nam để sinh sống cùng gia đình tại Việt Nam nhưng không thuộc diện được nhập cảnh vì không có công ty ở Việt Nam bảo lãnh. Do có quen biết với Kim In S từ trước, Jang Seong H đã liên hệ đề nghị Kim In S làm hồ sơ bảo lãnh cho Jang Seong H nhập cảnh theo diện chuyên gia làm việc cho Công ty I. Kim In S biết Jang Seong H không phải là chuyên gia, không làm việc cho Công ty I, nhưng vẫn đồng ý và báo chi phí dịch vụ bảo lãnh là 515.000Won (tương đương 10.000.000đồng). Sau đó, Jang Seong H thanh toán tiền và gửi ảnh hộ chiếu cho Kim In S để làm thủ tục nhập cảnh. Kim In S chỉ đạo nhân viên là Phùng Thị H làm hồ sơ đề nghị cấp thị thực nhập cảnh cho Jang Seong H nộp cho Hội người Hàn miền Trung. L và S biết rõ việc Kim In S sử dụng Công ty I bảo lãnh nhập cảnh trái phép nhưng vẫn tiếp nhận hồ sơ để xin cấp thị thực. Sau khi hoàn tất hồ sơ, ngày 26/02/2021 Jang Seong H đã nhập cảnh trái phép, qua đó Kim In S đã thu lợi bất chính số tiền 10.800.000 đồng.

10. Công ty TNHH P (Công ty P)

Tháng 10/2020, Lê Xuân T thành lập Công ty P hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực tư vấn, môi Giới bất động sản. T là đại diện theo pháp luật của Công ty này. T qua người quen Giới thiệu, T biết Park Jae K muốn nhập cảnh Việt Nam để kinh doanh quán Karaoke nhưng chưa tìm được mặt bằng và chưa có công ty bảo lãnh. Sau khi tìm được mặt bằng mở quán, T liên hệ và gửi hình ảnh mặt bằng để Park Jae K xem. T đặt vấn đề Park Jae K ký hợp đồng thuê với Giá 50.000.000 đồng/01 tháng, nếu hợp đồng ký thì T sẽ thu lợi 1% Giá trị thuê. Park Jae K đề nghị T ký bảo lãnh để Park Jae K và vợ là S Hyo Jeong nhập cảnh. Park Jae K hứa sau khi nhập cảnh và thuê mặt bằng thì sẽ để T làm quản lý.

Mặc dù biết rõ 02 công dân Hàn Quốc này không phải là "chuyên gia", không làm việc tại Công ty TNHH P, nhưng vì vụ lợi, T vẫn ký bảo lãnh và 02 người này đã nhập cảnh vào ngày 13/11/2020 tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Sau khi nhập cảnh, Park Jae K có đi xem mặt bằng mở quán. Tuy nhiên do gặp nhiều vấn đề trong việc xin Gấy phép kinh doanh và phòng cháy chữa cháy nên Park Jae K vẫn chưa ký hợp đồng thuê. Vì vậy, T vẫn chưa nhận được số tiền mà Park Jae K đã hứa.

Tại bản Kết luận Gám định số 433/KL-KTHS ngày 17/5/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận:

1. Hình dấu tròn có nội dung "□M.S.D.N:0402078671-C.T.T.N.H.H□THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG□CÔNG TY TNHH DỊCH THUẬT M" trên tài liệu cần Gám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký mang tên Phạm Thị Mỹ T trên các tài liệu cần Gám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Phạm Thị Mỹ T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Gian Gwang E trên các tài liệu cần Gám

định ký hiệu A2, A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Gian Gwang E trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Choi Seung W trên các tài liệu cần Gám định ký hiệu A4, A5 so với chữ ký, chữ viết đứng tên ông Choi Seung W trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6, M7 là không phải do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Son M trên các tài liệu cần Gám định ký hiệu: A7, A8, A9, A10, A12, A13, A14 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Son M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8 là không phải do cùng một người ký, viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết ghi họ tên Son M trên các tài liệu cần Gám định ký hiệu A6, A11 so với chữ ký, chữ viết đứng tên bà Son M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8 là có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Các tang, tài vật tạm Gữ và đề nghị xử lý:

1. Lee Kwan Y

- Đối với 20 tờ Gấy nộp tiền ngân hàng; 01 bộ hồ sơ kiểm tra sức khỏe; 04 tờ Gấy A4 có nội dung "Hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn"; 02 tờ Gấy phiếu khám bệnh; 01 phiếu thu tiền; 01 phiếu bán hàng ngày 14/11/2018 tại Trung tâm chẩn đoán y khoa kỹ thuật cao T Đà Nẵng; 03 tờ Gấy A4 "Kết quả xét nghiệm"; 01 (một) tờ Gấy A4 "Kết quả chụp X-quang tim phổi"; 01 USB màu đỏ đen; 02 cuốn sổ ngân hàng S Bank; 03 phiếu yêu cầu rút tiền mặt/chuyển khoản nội bộ; 01 phiếu yêu cầu nộp tiền mặt; 01 bảng kê tiền ngày "25-Dec-2019"; 01 tờ Gấy màu trắng 25x20 cm có chữ "Kakao Bank"; 02 (hai) USB màu bạc; 01 hộ chiếu số M233 01662, cấp ngày 15/01/2021 tại Hàn Quốc, mang tên Lee Kwan Y. Qua điều tra xét thấy không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho Lee Kwan Y.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamS màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35502 110066 9743 của Lee Kwan Y, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 điện thoại di động Galaxy Note; 01 laptop nhãn hiệu SamS màu đen; 01 laptop SamS màu bạc của Lee Kwan Y, Lee Kwan Y sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu S công.

- Đối với 01 Gấy chẩn đoán gồm 13 tờ của Lee Kwan Y; 01 công hàm số KCD 20-120, ngày 19/11/2020 (04 tờ) của Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại TP. Đà Nẵng; 01 tập tài liệu gồm 18 tờ, nội dung thể hiện cơ cấu, tiền lệ, hoạt động của Hội người Hàn miền Trung cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

- 01 máy tính bảng Galaxy Tab 7 của Lee Kwan Y, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

2. SEO YOUNG J

- 1.691 tờ A4 là tài liệu có liên quan đến việc xin cấp thị thực; 72 tập hồ sơ xin cấp thị thực của các đối tượng người Hàn Quốc nhập cảnh vào Việt Nam; 01

tập tài liệu gồm 96 trang A4; 01 tập tài liệu gồm 63 trang A4 thu Gữ của SEO YOUNG J, cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

- 01 laptop ASUS và 02 điện thoại di động của SEO YOUNG J, SEO YOUNG J sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu S công.

- 01 laptop nhãn hiệu DELL, 01 điện thoại di động của ông Jang H S không liên quan đến vụ án, đề nghị trả lại cho ông Jang H S.

- 01 con dấu tròn của Công ty TNHH H và 01 con dấu tròn của Công ty M, 02 con dấu này được sử dụng vào việc phạm tội, nên kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng thu hồi.

- 01 con dấu tên KOREAN ASSOCIATION OF CENTRAL VIETNAM, là con dấu của Hội người Hàn miền Trung được bị can Lee Kwan Y sử dụng vào việc phạm tội. Xét không có Giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- 02 bộ máy vi tính (gồm 01 bộ máy vi tính nhãn hiệu SAMA và 01 bộ máy vi tính không rõ nhãn hiệu) của Công ty TNHH H, các máy tính này được sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu S công.

- 01 ổ cứng di động SamS do SEO YOUNG J cung cấp, ổ cứng này được sử dụng để lưu dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội, nên đề nghị tịch thu S công.

- 01 sổ tài khoản ngân hàng Sinhan Bank chi nhánh Đà Nẵng của Công ty TNHH H; 01 card visit đề tên Công ty Mai Tour; 01 card visit đề tên SEO YOUNG J; 01 Gấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty M;08 tờ Gấy A4 có nội dung: thông báo thay đổi con dấu và Gấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 bộ hồ sơ của SEO YOUNG J bằng tiếng Hàn Quốc gồm 12 tờ; 03 tờ Gấy A4 có nội dung tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú; 01 quyển sổ tay; 02 Hộ chiếu của SEO YOUNG J. Xét không liên quan đến vụ án, nên trả cho SEO YOUNG J.

- 01 con dấu tên SEO YOUNG J được SEO YOUNG J sử dụng vào việc phạm tội. Xét không có Giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 02 con dấu tròn của Công ty MAI TOUR; 01 con dấu vuông đề "Gám đốc SEO Y J"; 01 con dấu vuông đề "Phó Gám đốc SEO Y J". Xét không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho SEO YOUNG J.

- 01 điện thoại di động hiệu LG, số IMEI: 35243 7091 566628 của SEO YOUNG J không liên quan đến vụ án nên trả lại cho SEO YOUNG J. Tuy nhiên tiếp tục quy trữ bảo đảm thi hành án.

Và các tài liệu, đồ vật khác của Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Song Hong S, Võ Tấn C, Tô My Hồng O, Văn Thị Phương T, Lê Xuân T, Phạm Kim P, Nguyễn Trần T Anh, Đỗ Văn H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang G, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N và Đồng Văn Q.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 15/02/2023, Tòa án***

***nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

T bố:

- Các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Song Hong S, Võ Tấn C, Tô My Hồng O, Văn Thị Phương T, Lê Xuân T, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang G, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép".

- Các bị cáo Nguyễn Trần Anh T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" và tội "Làm Gả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu Gả của cơ quan, tổ chức".

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lee Kwan Y 10 (mười) năm tù; phạt bổ S số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt SEO YOUNG J 10 (mười) năm tù; phạt bổ S số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Sog Hong S 9 (chín) năm tù; phạt bổ S số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trần Anh T 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trần Anh T 3 (ba) năm tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Trần Anh T phải chấp hành hình phạt chung: 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù; hình phạt bổ S: phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và hình phạt bổ S 30.000.000 đồng tại Bản án hình sự phúc thẩm số 489/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 13 (mười ba) năm 6 (sáu) tháng tù; hình phạt bổ S: phạt 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2021.

5. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Tô My Hồng

O 8 (tám) năm tù; phạt bổ S số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2021.

6. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Xuân T 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và hình phạt bổ S 30.000.000 đồng tại Bản án hình sự phúc thẩm số 489/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (mười ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Hình phạt bổ S: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2021.

7. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phan Thị Thảo L 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2021.

8. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Thị P 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2021.

9. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Văn Thị Phương T 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

10. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Võ Tấn C 5 (năm) năm tù; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2021.

11. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Kim Chang G 4 (bốn) năm tù; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

12. Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Kim P 4 (bốn) năm tù; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2022.

13. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trung T 4 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

14. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đồng Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đồng Văn Q 02 (hai) năm tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đồng Văn Q phải chấp hành hình phạt chung: 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2022.

15. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Văn Thị Thùy T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2021.

16. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đỗ Văn H 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

17. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Thanh S 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2021.

18. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Minh T 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2022.

19. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đồng Mạnh T 12 (mười hai) tháng tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt Đồng Mạnh T 15 (mười lăm) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đồng Mạnh T phải chấp hành hình phạt chung: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

20. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trí V 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời Gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng.

Gao bị cáo về Uỷ ban nhân dân phường XH, quận TK, thành phố Đà Nẵng Gám sát, giáo dục trong thời Gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

Trong thời Gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

21. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Tô Quyền L 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời Gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Gao bị cáo về Uỷ ban nhân dân phường Thạc Gán, quận TK, thành phố Đà Nẵng Gám sát, giáo dục trong thời Gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

Trong thời Gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

22. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Kim In S 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời Gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Gao bị cáo về Uỷ ban nhân dân phường Mỹ An, quận N, thành phố Đà Nẵng Gám sát, giáo dục trong thời Gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

Trong thời Gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

23. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Thị Tuyết N 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo; thời Gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Gao bị cáo về Uỷ ban nhân dân xã Duy T, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng N Gám sát, giáo dục trong thời Gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

Trong thời Gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

24. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s, t, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Thanh H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời Gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Gao bị cáo về UBND phường Hòa Khánh Bắc, quận L, thành phố Đà Nẵng Gám sát, giáo dục trong thời Gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

Trong thời Gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

25. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Lee Kwan Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamS màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35502 110066 9743; 01 máy tính bảng Galaxy Tab 7

nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho SEO YOUNG J 01 điện thoại di động hiệu LG, số IMEI: 35243 7091 566628 nhưng tiếp tục quy trữ bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu S ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Galaxy Note, 01 laptop nhãn hiệu SamS màu đen và 01 laptop SamS màu bạc của Lee Kwan Y.

- Tịch thu S vào ngân sách nhà nước: 01 laptop ASUS và 02 điện thoại di động của SEO YOUNG J; 02 bộ máy vi tính (gồm 01 bộ máy vi tính nhãn hiệu SAMA và 01 bộ máy vi tính không rõ nhãn hiệu) của Công ty TNHH H; 01 ổ cứng di động SamS của SEO YOUNG J.

26. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng của Lee Kwan Y; Truy thu của: Lee Kwan Y số tiền 808.698.000 (tám trăm tám triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn) đồng. Tiếp tục phong tỏa số tiền trong tài khoản: 700-015-632100 tại Ngân hàng TNHH MTV Shihan Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng của Lee Kwan Y và số tiền trong tài khoản: 700-016-121905 của Công ty TNHH H theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 427 và 428 cùng ngày 12/7/2021 của Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng khác, về phần trách nhiệm dân sự khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với 16 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N.

Không áp dụng điểm t đối với 24 bị cáo; không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Trung T, Nguyễn Trí V; không áp dụng Điều 54 và tăng nặng hình phạt đối với 11 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Nguyễn Trần Anh T, Lê Xuân T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T.

Không áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho Tô Quyền L được hưởng án treo.

Ngày 22/02/2023, bị cáo Nguyễn Trung T, Đỗ Văn H làm đơn kháng cáo nội dung: xin được hưởng án treo.

Ngày 03/4/2023, bị cáo Nguyễn Trung T có đơn kháng cáo bổ S xin Gảm

hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 28/02/2023, bị cáo Tô My Hồng O, Kim Chang Ghi, Trần Thanh S, Song Hong S, Văn Thị Phương T, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Phạm Kim P, Văn Thị Thùy T làm đơn kháng cáo nội dung: xin Gảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/02/2023, bị cáo Le Kwan Y làm đơn kháng cáo nội dung: xin Gảm nhẹ hình phạt, xem xét lại tiền thu lợi bất chính, xin được nhận lại điện thoại, máy vi tính bị tịch thu S vào Ngân sách Nhà nước vì có chứa dữ liệu cá nhân.

Ngày 28/02/2023, bị cáo SEO YOUNG J làm đơn kháng cáo nội dung: xin Gảm nhẹ hình phạt, xin được nhận lại điện thoại, máy vi tính bị tịch thu S vào Ngân sách Nhà nước vì có chứa dữ liệu thông tin cá nhân.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần Quyết định kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 ngày 28/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với nội dung: rút đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với 16 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N; rút đề nghị không áp dụng tình tiết Gảm nhẹ: "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình Gải quyết vụ án*" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với 24 bị cáo. Do đó, rút đề nghị không áp dụng Điều 54 và tăng nặng hình phạt đối với 11 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Nguyễn Trần Anh T, Lê Xuân T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T và đề nghị không áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để không cho Tô Quyền L được hưởng án treo.

Tại mục 6 phần I Nghị quyết số 02/HĐTP-NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn như sau: "*Ngoài các trường hợp phạm tội có tổ chức như đã nêu trên đây, Bộ luật hình sự còn quy định những trường hợp tổ chức thực hiện tội phạm thành những tội danh riêng biệt. Đó là những trường hợp được quy định ở điều 88 (tổ chức người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép), Điều 145 (tội tổ chức tảo hôn), Điều 200 (tội tổ chức đánh bạc), Điều 203 (tội tổ chức dùng chất ma túy). Trong những trường hợp này người phạm tội là người đứng ra tổ chức người khác thực hiện tội phạm, đồng thời cũng có thể là người cùng thực hiện tội phạm đó. Thí dụ: người đứng ra rủ rê, tổ chức người khác trốn đi nước ngoài để lấy tiền, vàng…và bản thân người đó cùng với họ trốn đi nước ngoài. Bộ luật hình sự đã quy định những trường hợp này thành những tội riêng biệt với hình phạt riêng, nên không vận dụng thêm tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật hình sự nữa*".

Mặc dù, Nghị quyết trên hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 1985, hiện nay đã hết hiệu lực nhưng đến nay chưa có văn bản nào thay thế. Và như đã nêu ở trên thì về chính sách áp dụng pháp luật cũng như quy định về phạm tội có tổ chức tại Bộ luật Hình sự năm 1985 và Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn Gống nhau, không có gì thay đổi. Nên theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì vẫn cần phải áp dụng tinh thần của Nghị quyết số 02/HĐTP-NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự với các bị cáo trong vụ án này.

Đối với kháng nghị không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Trung T, Nguyễn Trí V vẫn Gữ nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kháng cáo của 15 bị cáo, đề nghị không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Nguyễn Trung T, Đỗ Văn H, Tô My Hồng O, Kim Chang G, Trần Thanh S, Song Hong S, Văn Thị Phương T, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Phạm Kim P, Văn Thị Thùy T và Gữ nguyên quyết định tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo nêu trên.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến: Các vị Luật sư bào chữa cho các bị cáo tham gia tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Gảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có kháng cáo.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, luận cứ bào chữa của luật sư, lời khai của các bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần Quyết định kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 ngày 28/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các nội dung sau: đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với 16 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N;

không áp dụng tình tiết Gảm nhẹ: "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình Gải quyết vụ án*" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với 24 bị cáo và đề nghị không áp dụng Điều 54 và tăng nặng hình phạt đối với 11 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Nguyễn Trần Anh T, Lê Xuân T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T và đề nghị không áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để không cho Tô Quyền L được hưởng án treo. Xét thấy, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần quyết định kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342; khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những nội dung kháng nghị đã rút trên. Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các bị cáo liên quan đến kháng nghị với nội dung trên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ.

Trong Gai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhận được biên lai thu số tiền 4.400.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000093 ngày 25/5/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo khắc phục hậu quả của bị cáo Lê Xuân T. Xét thấy, bị cáo T không kháng cáo; kháng nghị liên quan đến bị cáo T đã rút tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo đã có hiệu lực pháp luật nên tạm Gữ số tiền theo biên lai thu tiền trên để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo Lê Xuân T.

[2]. Về tội danh: Khoảng tháng 12/2020 đến tháng 3/2021, lợi dụng chính sách nhập cảnh của Việt Nam đối với chuyên gia, nhà đầu tư người nước ngoài và nắm bắt được quy trình, thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam. Lee Kwan Y và SEO YOUNG J đã sử dụng mạng xã hội quảng cáo có thể đứng ra thực hiện toàn bộ quá trình nhập cảnh vào Việt Nam, tìm kiếm và lên danh sách số lượng người Hàn Quốc có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam. Sau đó, liên kết với các cá nhân người Hàn Quốc, Việt Nam có doanh nghiệp để tìm kiếm, bảo lãnh người Hàn Quốc làm hồ sơ thị thực như Công ty Khan Vina do Song Hong S thành lập; Công ty K do Kim W H và Kim Byeong J thành lập; Công ty Ster Café, P, P và P (Lê Xuân T thành lập và quản lý); Công ty L Le (Kim Chang G thành lập)… làm vai trò trung Gian tìm khách có nhu cầu nhập cảnh, tìm doanh nghiệp ký bảo lãnh nhằm mục đích đưa người Hàn Quốc có nhập cảnh vào Việt Nam với tư cách là nhà đầu tư, người lao động có tay nghề cao hoặc chuyên gia. Các đối tượng khác như Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Võ Tấn C, Tô My Hồng O, Văn Thị Phương T, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Trần Thanh S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N, Nguyễn Trần Anh T, Đồng Văn Q và Đồng Mạnh T là những nhân viên, người Gúp sức, hỗ trợ cho những người, doanh nghiệp trung Gian, liên kết với Lee Kwan Y và SEO YOUNG J trong việc thực hiện thủ tục hoặc ký hồ sơ bảo lãnh đưa người Hàn Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Kết quả, Lee Kwan Y và SEO YOUNG J và các bị cáo khác đã lợi dụng danh nghĩa "Hội người Hàn miền Trung" đã tổ chức 04 chuyến bay nhập cảnh từ

Incheon, Hàn Quốc đến thành phố Đà Nẵng, Việt Nam với 264 công dân Hàn Quốc, trong đó có 92 người nhập cảnh không đúng đối tượng người nước ngoài là nhà đầu tư, chuyên gia kỹ thuật, lao động tay nghề cao, nhà quản lý doanh nghiệp nhập cảnh Việt Nam để làm việc nhằm mục đích thu lợi hoặc mục đích cá nhân khác từ những người Hàn Quốc muốn nhập cảnh vào Việt Nam.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Song Hong S, Võ Tấn C, Tô My Hồng O, Văn Thị Phương T, Lê Xuân T, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang G, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"; các bị cáo Nguyễn Trần Anh T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" và tội "Làm Gả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu Gả của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét Quyết định kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 ngày 28/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Đối với nội dung kháng nghị không áp dụng tình tiết "*Người phạm tội tự thú*" điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Trung T, Nguyễn Trí V. Xét thấy, "*Tự thú*" là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội. "*Đầu thú*" là có người đã biết mình phạm tội, nhưng biết không thể trốn tránh được nên đến cơ quan có thẩm quyền trình diện để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, thông qua lời khai của bị cáo Tô My Hồng O cơ quan điều tra đã xác định được danh sách của các Công ty đã ký xác nhận và bảo lãnh khống cho những người nhập cảnh trái phép, trong đó có Công ty TNHH KV Tour& Media (nơi bị cáo T làm việc) và Công ty TNHH dịch vụ quảng cáo và truyền thông N (nơi bị cáo Nguyễn Trí V làm việc). Các bị cáo T và V ra trình diện và khai báo sau khi đã có thông báo, kêu gọi của cơ quan điều tra yêu cầu các Công ty đã ký xác nhận và bảo lãnh khống đến khai báo, trình diện. Vì vậy các bị cáo T, V thuộc trường hợp người phạm tội "*Đầu thú*", đây là tình tiết Gảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát thay đổi việc áp dụng tình tiết Gảm nhẹ đối với 02 bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Trí V như đã phân tích trên.

Tại kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị thay đổi việc áp dụng tình tiết Gảm nhẹ đối với bị cáo Nguyễn Trí V nhưng không kháng nghị tăng nặng hay không kháng nghị đề nghị không cho bị cáo V được hưởng án treo nên để không làm bất lợi cho bị cáo V, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm vẫn Gữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo V.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị bỏ tình tiết "*Phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với 8 bị cáo: Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Nguyễn Trần Anh T, Tô My Hồng O, Lê Xuân T, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy đề nghị và phân tích trên

của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không làm bất lợi cho các bị cáo nên sửa quyết định của bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với 8 bị cáo: Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Nguyễn Trần Anh T, Tô My Hồng O, Lê Xuân T, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P.

[5]. Xét kháng cáo xin Gảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thì thấy:

[5.1]. Đối với Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Tô My, H O, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P là những người chủ mưu, cầm đầu hoặc đồng phạm Gúp sức với vai trò tích cực trong vụ án. Chính các bị cáo là người khởi xướng, lôi kéo điều khiển các bị cáo còn lại với mục đích lợi dụng chính sách nhập cảnh của Việt Nam nhằm trục lợi nên cần phải có hình phạt đủ nghiêm để răn đe đối với các bị cáo. Mặc dù Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bỏ tình tiết "*Phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự như đã phân tích ở mục [4] đối với những bị cáo này nhưng nhận thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là phù hợp và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo này cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để làm căn cứ xin Gảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin Gảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Tô My Hồng O, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P.

[5.2]. Đối với các bị cáo Phạm Kim P là người Gúp sức cho bị cáo Song Hong S đứng tên công ty ký bảo lãnh cho 7 người nhập cảnh vào Việt Nam, bị cáo có tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên"; Đỗ Văn H là người đứng tên Công ty A ký bảo lãnh cho 5 công dân Hàn Quốc nhập cảnh; Văn Thị Thùy T là người có doanh nghiệp, biết và liên hệ trực tiếp với Lee Kwan Y, SEO YOUNG J thông qua "Hội người Hàn miền trung" để gửi hồ sơ xin cấp thị thực và sử dụng con dấu của Công ty mình để ký, đóng dấu, bảo lãnh cho các hồ sơ không phải chuyên gia vào nhập cảnh trái phép. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Kim P, Song Hong S, Văn Thị Thùy T kháng cáo xin Gảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đỗ Văn H kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới làm căn cứ cho kháng cáo của mình. Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét hình phạt đối với các bị cáo đã phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và Gữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo Phạm Kim P, Song Hong S, Văn Thị Thùy T và Đỗ Văn H.

[5.3]. Đối với các bị cáo Văn Thị Phương T, Trần Thanh S:

Văn Thị Phương T là nhân viên vào làm việc tại công ty của Kim W H, Kim Byeong J và được phân công Gúp việc cho H O. Tô My Hồng O là người có vai trò tích cực thứ hai của Công ty, thực hiện theo sự chỉ đạo trực tiếp của Kim W H và Kim Byeong J. Công việc của T là chuẩn bị hồ sơ và thực hiện công việc do H O Gao. T đã tham gia thực hiện hồ sơ theo sự hướng dẫn của O, H và J bảo lãnh cho 43 người nhập cảnh vào Việt Nam.

Trần Thanh S là chồng của T, sử dụng Công ty mình đứng tên ký bảo lãnh cho 4 người nhập cảnh nhưng thực tế S vẫn chưa nhận được tiền thu lợi bất chính. Xét thấy, cả hai bị cáo là vợ chồng bị xét xử trong một vụ án, các bị cáo có nhiều tình tiết Gảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xin Gảm nhẹ hình phạt và xuất trình thêm chứng nhận ghi nhận việc các bị cáo có tham gia từ thiện hỗ trợ Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi hội chữ thập đỏ Đà Nẵng (BL 1395, 1396), gia đình của các bị cáo có người có công Cách mạng, cả 2 người là trụ cột trong gia đình hiện đang nuôi 03 con còn nhỏ. Để đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, Gảm nhẹ một phần hình phạt cho 02 bị cáo T, S nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm hòa nhập cộng đồng về chăm sóc gia đình.

[5.4]. Xét kháng cáo của bị cáo Kim Chang G, Nguyễn Trung T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T:

Đối với bị cáo Kim Chang G: bị cáo là người Hàn Quốc, đã có thời Gian sinh sống lâu ở địa bàn thành phố Đà Nẵng, bản thân bị cáo có nhiều đóng góp cho hoạt động du lịch của Đà Nẵng, đã khắc phục hết hậu quả. Việc bị cáo đồng ý bảo lãnh cho công dân Hàn Quốc nhập cảnh vào Việt Nam chủ yếu vì quan hệ cá nhân, Gúp bạn bè. Trong thời Gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp Biên lai thu tiền số 0000092 ngày 24/5/2023 của Cục T hành án dân sự thành phố Đà Nẵng số tiền 10.200.000 đồng (trong đó: 10.000.000 đồng tiền phạt bổ S và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm). Nên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, Gảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Trung T: bị cáo Trung T thành lập Công ty T để kinh doanh việc cho thuê xe ô tô, bị cáo sử dụng Doanh nghiệp của mình bảo lãnh cho 7 người Hàn nhập cảnh vào Việt Nam không nhằm mục đích thu tiền trực tiếp từ họ mà do tình hình kinh doanh trì trệ nên để có khách thuê xe ô tô của mình bị cáo mới đồng ý bảo lãnh. Thực tế, số tiền thu lợi từ việc cho thuê xe của bị cáo T cũng thấp (3.000.000 đồng). Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết Gảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết Gảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự, hành vi xuất phát từ áp lực hoạt động kinh doanh nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, Gảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đồng Văn Q là người nhận việc từ Phạm Thị Tuyết N là nhân viên của Kim Chang G, nhận làm 01 hồ sơ bảo lãnh để cho 01 người nhập cảnh vào Việt Nam để thu lợi 3.400.000 đồng. Sau khi Q nhận việc từ N, Q đã làm việc với Văn Thị Thùy T (là chủ sở hữu Công ty TNHH dịch thuật M, T nhờ T là nhân viên đứng tên đại diện pháp luật). Do tin tưởng được sự đồng ý của Chủ công ty cho phép làm Gả con dấu, chữ ký đại diện Công ty của T để làm hồ sơ bảo lãnh. Nên Q mới nhờ Đồng Mạnh T (em ruột của Q) làm Gả con dấu Công ty của T và chữ ký của Phạm Thị Mỹ T để hợp thức hóa hồ sơ bảo lãnh. Xét thấy, hành vi của Q là chỉ thực hiện 01 hồ sơ bảo lãnh để đưa 01 trường hợp nhập cảnh trái phép và số

tiền thu lợi bất chính không nhiều, Q chỉ nhận việc từ Tuyết N còn lại không biết những bị cáo còn lại. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy tính chất mức độ hành vi của Q là Gản đơn, chỉ thực hiện một lần cho 01 trường hợp, với số tiền thực thu lợi không nhiều (3.400.000 đồng), bị cáo cũng đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên cần xem xét Gảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Q.

Đồng Mạnh T là em trai của Đồng Văn Q, T đang sinh sống và làm việc ở Hà Nội thì được Q gọi điện nhờ T làm Gả con dấu, chữ ký của Phạm Thị Mỹ T. Vì suy nghĩ Gúp đỡ anh trai nên T mới đồng ý thực hiện. Chính vì vậy, T cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với cả 02 tội mà Q bị truy cứu với vai trò đồng phạm là tội "Làm Gả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu Gả của cơ quan, tổ chức" và "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Xét về mối quan hệ thì T chỉ làm việc với Q, còn lại T không hề biết hay làm việc với những bị cáo khác nên hành vi của T rõ ràng là đồng phạm Gúp sức với vai trò hạn chế và không đáng kể nên cần cân nhắc để quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy, Đồng Mạnh T là đồng phạm với vai trò không đáng kể, có nhận thức pháp luật hạn chế chỉ đơn thuần là Gúp đỡ anh trai, không thu lợi, bị cáo còn có nhiều tình tiết Gảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1, 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T về cả 2 tội danh, Gảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

[6]. Đối với kháng cáo của Lee Kwan Y, SEO YOUNG J về việc xem xét số tiền thu lợi bất chính và việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự quy định công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, tiền do việc phạm tội hoặc mua bán đổi chác mà có sẽ bị tịch thu S vào Ngân sách nhà nước. Điện thoại, máy tính xách tay, để bàn của các bị cáo dùng vào việc liên lạc, lưu trữ dữ liệu trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" được xem là công cụ, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, S vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Lee Kwan Y còn kháng cáo đề nghị xem xét lại số tiền thu lợi bất chính. Xét thấy, kết quả điều tra có đủ cơ sở xác định bị cáo đã nhận từ những người có nhu cầu nhập cảnh trái phép qua việc tổ chức 04 chuyến nhập cảnh trái phép với tổng số tiền 1.089.698.000 đồng. Bị cáo mới chỉ đưa cho các bị cáo khác tổng cộng 81.000.000 đồng. Do vậy, bản án sơ thẩm đã xác định số tiền bị cáo Lee Kwan Y đã thu lợi bất chính cần phải truy thu nộp ngân sách nhà nước 1.008.698.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J đối với nội dung này.

[7]. Đối với bị cáo Nguyễn Trần Anh T và Lê Xuân T không có kháng cáo. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bỏ tình tiết "*Phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp

sơ thẩm đã tuyên xử đối với các bị cáo này là phù hợp, không nặng nên vẫn Gữ nguyên.

[8]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Tô My Hồng O, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Văn Thị Thùy T không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của các bị cáo Kim Chang G, Nguyễn Trung T, Văn Thị Phương T, Trần Thanh S, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[9]. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**I.** Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; khoản 1 Điều 348; điểm a, b, đ khoản 1 của Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm Quyết định kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 ngày 28/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với nội dung: đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với 16 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí V, Tô Quyền L, Kim In S, Phạm Thị Tuyết N; không áp dụng tình tiết Gảm nhẹ: "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình Gải quyết vụ án*" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với 24 bị cáo; đề nghị không áp dụng Điều 54 và tăng nặng hình phạt đối với 11 bị cáo: Võ Tấn C, Văn Thị Phương T, Nguyễn Trần Anh T, Lê Xuân T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Văn Minh T, Kim Chang Ghi, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Trần Thanh S, Văn Thị Thùy T và đề nghị không áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để không cho Tô Quyền L được hưởng án treo.

Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo: Kim In S, Võ Tấn C, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn Minh T, Tô Quyền L, Phạm Thị Tuyết N kể từ ngày ra quyết định đình chỉ (ngày 30/5/2023).

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 ngày 28/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm đối với việc áp dụng tình tiết Gảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trí V.

Sửa bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội có tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với 8 bị cáo: Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Nguyễn Trần Anh T, Tô My Hồng O, Lê Xuân T, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Tô My Hồng O, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Phạm Kim P, Đỗ Văn H và Văn Thị Thùy T.

Gữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Tô My Hồng O, Lê Xuân T, Nguyễn Trần Anh T, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Văn Thị Thùy T và Nguyễn Trí V.

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lee Kwan Y 10 (mười) năm tù**; phạt bổ S số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **SEO YOUNG J 10 (mười) năm tù**; phạt bổ S số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Song Hong S 9 (chín) năm tù**; phạt bổ S số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Tô My Hồng O 8 (tám) năm tù**; phạt bổ S số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2021.

5. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Trần Anh T** 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trần Anh T 3 (ba) năm tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Trần Anh T phải chấp hành hình phạt chung: 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù; hình phạt bổ S: phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và hình phạt bổ S 30.000.000 đồng tại Bản án hình sự phúc thẩm số 489/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: **13 (mười ba) năm 6 (sáu) tháng tù;** hình phạt bổ S: phạt 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2021.

6. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lê Xuân T** 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" và hình phạt bổ S 30.000.000 đồng tại Bản án hình sự phúc thẩm số 489/2022/HS-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **13 (mười ba) năm 6 (sáu) tháng tù.** Hình phạt bổ S: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2021.

7. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phan Thị Thảo L 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2021.

8. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phạm Thị P 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2021.

9. Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phạm Kim P 4 (bốn) năm tù**; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2022.

10. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt **Văn Thị Thùy T 03 (ba) năm tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2021.

11. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Đỗ Văn H 3 (ba) năm tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

12. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Trí V 18 (mười tám) tháng tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép", cho hưởng án treo; thời Gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng.

Gao bị cáo về Uỷ ban nhân dân phường XH, quận TK, thành phố Đà Nẵng Gám sát, giáo dục trong thời Gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

Trong thời Gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**II.** Căn cứ vào điểm b khoản 1 của Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 168/QĐ-VKS-P2 ngày 28/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm đối với việc áp dụng tình tiết Gảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T;

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Kim Chang G, Nguyễn Trung T, Văn Thị Phương T, Trần Thanh S, Đồng Văn Q và Đồng Mạnh T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm.

13. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Văn Thị Phương T 05 năm tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

14. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Kim Chang G 03 (ba) năm tù**; phạt bổ S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (Số tiền phạt bổ S 10.000.000 đồng bị cáo Kim Chang G đã nộp xong tại Biên lai thu tiền số 0000092 ngày 24/5/2023 của Cục T hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

15. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Trung T 3 (ba) năm tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

16. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Trần Thanh S 02 năm tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2021.

17. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Đồng Văn Q 01 năm tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" và **01 năm tù** về tội "Làm Gả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu Gả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đồng Văn Q phải chấp hành hình phạt chung: **02 năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2022.

18. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Đồng Mạnh T 06 tháng tù** về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" và **09 tháng tù về** tội "Làm Gả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu Gả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đồng Mạnh T phải chấp hành hình phạt chung**: 01 năm 03 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

**III.** Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Gữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần xử lý vật chứng và phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J.

**- Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Lee Kwan Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamS màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35502 110066 9743; 01 máy tính bảng Galaxy Tab 7 nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho SEO YOUNG J 01 điện thoại di động hiệu LG, số IMEI: 35243 7091 566628 nhưng tiếp tục quy trữ bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu S ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Galaxy Note, 01 laptop nhãn hiệu SamS màu đen và 01 laptop SamS màu bạc của Lee Kwan Y.

- Tịch thu S vào ngân sách nhà nước: 01 laptop ASUS và 02 điện thoại di động của SEO YOUNG J; 02 bộ máy vi tính (gồm 01 bộ máy vi tính nhãn hiệu

SAMA và 01 bộ máy vi tính không rõ nhãn hiệu) của Công ty TNHH H; 01 ổ cứng di động SamS của SEO YOUNG J;

**- Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng của Lee Kwan Y; Truy thu của: Lee Kwan Y số tiền 808.698.000 (tám trăm tám triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn) đồng. Tiếp tục phong tỏa số tiền trong tài khoản: 700-015-632100 tại Ngân hàng TNHH MTV Shihan Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng của Lee Kwan Y và số tiền trong tài khoản: 700-016-121905 của Công ty TNHH H theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 427 và 428 cùng ngày 12/7/2021 của Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục tạm Gữ số tiền 4.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000093 ngày 25/5/2023 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo Lê Xuân T.

**IV. Về án phí hình sự phúc thẩm:**

Các bị cáo Lee Kwan Y, SEO YOUNG J, Song Hong S, Tô My Hồng O, Phan Thị Thảo L, Phạm Thị P, Phạm Kim P, Đỗ Văn H, Văn Thị Thùy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Kim Chang G, Nguyễn Trung T, Văn Thị Phương T, Trần Thanh S, Đồng Văn Q, Đồng Mạnh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**V.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiến** **Trương Công T** **Phạm Tấn H**

***Nơi nhận:***
- Vụ Gám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại giam Công an TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Tấn Hoàng**

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Phạm Tấn H**